



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

BẢN CÁO BẠCH



TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
(PSI)



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM (CNG VIETNAM)

Giấy chứng nhận đầu tư số: 492032000040

(Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 2007, đăng thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2011 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu số: 167/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM cấp ngày 14 tháng 11 năm 2011)

➤ **Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM (CNG VIETNAM)

Số 351, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu

Website: www.cng-vietnam.com

Điện thoại: (064) 3574 635

Fax: (064) 3574 619

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

➤ Trụ sở: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 3934 3888

Fax: (04) 3934 3999

Email: dvkh@psi.vn

Website: <http://psi.vn>

➤ Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3914 6789

Fax: (08) 3914 6969

➤ **Phụ trách công bố thông tin**

Họ tên: Đặng Văn Vĩnh

Chức vụ: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Điện thoại: (064) 3597 117

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM (CNG VIETNAM)

Giấy chứng nhận đầu tư số: 492032000040

(Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 2007, đăng thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2011 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM)
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng niêm yết : 20.312.038 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết : 203.120.380.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

- Trụ sở: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (04).3934 3888 Fax: (04).3934 3999
Email: dvkh@psi.vn Website: <http://psi.vn>
- Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Q. 1, TP.HCM
Điện thoại: (08).3914 6789 Fax: (08).3914 6969

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (04).3852 4123 Fax: (04).3852 4143
Website: www.deloitte.com.vn

MỤC LỤC



I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro kinh tế.....	1
2.	Rủi ro luật pháp	2
3.	Rủi ro từ kinh doanh	3
4.	Rủi ro dự án.....	3
5.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết.....	4
6.	Rủi ro khác	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	4
1.	Tổ chức niêm yết	4
2.	Tổ chức tư vấn.....	5
III.	CÁC KHÁI NIỆM	5
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	8
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
1.1.	Lịch sử hình thành	8
1.2.	Giới thiệu về Công ty	10
1.3.	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	11
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	16
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý và quy chế hoạt động của các phòng ban	16
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 03/11/2011..	21
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....	21
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	21
4.3.	Cơ cấu cổ đông của CNG VIETNAM tại thời điểm 03/11/2011	22
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CNG VIETNAM, những công ty mà CNG VIETNAM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CNG VIETNAM.	23
5.1.	Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CNG VIETNAM:	23
5.2.	Danh sách Công ty mà CNG VIETNAM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	24

6.	Hoạt động kinh doanh	24
6.1.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	24
6.2.	Nguyên vật liệu	25
6.2.1.	Nguồn nguyên vật liệu	25
6.2.2.	Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu cung cấp	26
6.2.3.	Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận	27
6.3.	Chi phí sản xuất.....	27
6.4.	Trình độ công nghệ	28
6.4.1.	Hệ thống máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ:.....	28
6.4.2.	Hệ thống phương tiện vận chuyển CNG:	30
6.4.3.	Hệ thống các trạm giảm áp tại các khách hàng	32
6.5.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	32
6.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	33
6.7.	Hoạt động Marketing.....	34
6.7.1.	Chính sách bán hàng	34
6.7.2.	Các hoạt động quảng cáo truyền thông, tiếp thị	36
6.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	37
6.9.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	37
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần đây nhất	39
7.1.	Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh	39
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	40
7.2.1.	Yếu tố thuận lợi.....	40
7.2.2.	Yếu tố khó khăn	41
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	42
8.1.	Phân tích SWOT	42
8.2.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	44
8.3.	Triển vọng phát triển của ngành sản xuất, kinh doanh nhiên liệu và vận hành các công trình khí	46
8.4.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty.....	47
9.	Chính sách đối với người lao động	49
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty	49
9.2.	Chính sách đào tạo, lương và các chính sách đãi ngộ khác	50
9.2.1.	Chính sách đào tạo.....	50
9.2.2.	Chính sách lương	51

9.2.3. Các chính sách đãi ngộ khác	52
10. Chính sách cổ tức	52
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	53
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	53
11.2. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	60
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	62
12.1. Thành viên Hội đồng quản trị.....	62
12.2. Ban Tổng Giám đốc	69
12.3. Thành viên Ban kiểm soát.....	73
12.4. Kế toán trưởng	76
13. Tài sản	77
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức dự kiến đạt được trong các năm tiếp theo.....	79
14.1. Kế hoạch kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 – 2015	79
14.2. Các giải pháp thực hiện mục tiêu chiến lược.....	81
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	86
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của CNG VIETNAM.....	87
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	87
1. Loại chứng khoán.....	87
2. Mệnh giá.....	87
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	87
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	87
5. Phương pháp tính giá	89
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	91
7. Các loại thuế có liên quan.....	92
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	93
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT	93
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	94
VII. PHỤ LỤC.....	95

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến nhu cầu sử dụng năng lượng trong sản xuất và trong sinh hoạt hàng ngày, trong đó có nhu cầu sử dụng nhiên liệu khí và các sản phẩm khí. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu khí và các sản phẩm khí và ngược lại. Chính vì vậy, sự sụt giảm về tăng trưởng GDP của Việt Nam trong những năm gần đây (GDP 2009 chỉ đạt trên 5%, 2010 đạt trên 6%, thấp hơn nhiều so với các năm trước với tốc độ tăng trưởng khoảng 7 - 9%) sẽ gây ra nhiều khó khăn cho các chủ thể tham gia nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành khí nói riêng.

Lạm phát

Các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thường bị ảnh hưởng nhiều bởi vấn đề lạm phát của nền kinh tế. Lạm phát xảy ra do rất nhiều nguyên nhân, trong đó: nguyên nhân chủ quan xuất phát từ việc điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước và nguyên nhân khách quan từ thị trường thế giới.

- Nguyên nhân khách quan: Nền kinh tế thế giới hiện nay có nhiều biến động tiêu cực, dư âm cuộc khủng hoảng kinh tế từ năm 2008 bắt nguồn từ Mỹ vẫn chưa chấm dứt, đặc biệt là khu vực đồng tiền chung châu Âu đang vướng vào vấn đề nợ công khá nghiêm trọng, kinh tế các nước phát triển khác như Nhật, Nga, Trung Quốc còn nhiều bất ổn. Lạm phát ở hầu hết các nước trên thế giới vì thế đều tăng cao.
- Nguyên nhân chủ quan: lạm phát theo đà năm 2010 vẫn tiếp tục tăng trong năm 2011 mặc dù Chính phủ vẫn nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm của năm 2011 vẫn là tiếp tục kiên định mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 06/2011 đã tăng khoảng 13% so với tháng 12/2010. Thực hiện các biện pháp quyết liệt của Nghị quyết số 11 của Chính phủ, chỉ số CPI đã từng bước được kiềm chế nhưng vẫn còn ở mức cao. Đến thời điểm hiện nay, chỉ số CPI tháng 10/2011 tăng 0,36% so với tháng 09/2011, là mức tăng thấp nhất trong 14 tháng gần đây. Tính chung từ đầu năm, lạm phát của cả nước đã tăng 17,05% so với thời điểm cuối năm 2010.

Với chính sách đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào ổn định thông qua các hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp khí, Công ty có thể giảm tối đa tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh.

Lãi suất

Nhu cầu vốn đầu tư của Công ty theo kế hoạch trong các năm tới khá lớn, phần lớn nguồn vốn huy động sẽ được thực hiện bằng cách phát hành cổ phiếu hoặc vay tín dụng. Hiện nay, Công ty đang có khoản vay dài hạn với số dư nợ là 113.680.166.310 đồng để tài trợ dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và mua sắm máy móc thiết bị, do đó nếu lãi suất biến động theo xu hướng tăng và rất khó dự báo như hiện nay sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch huy động vốn cũng như kế hoạch đầu tư, đồng thời ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên do hiệu quả sử dụng vốn hiện nay của Công ty là khá cao, nên rủi ro do lãi suất vay cao không ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng làm cho đồng nội tệ bị mất giá. Với những doanh nghiệp sử dụng nhiều ngoại tệ, khi tỷ giá hối đoái tăng, số lỗ về tỷ giá có thể làm giảm đáng kể, thậm chí là triệt tiêu toàn bộ lợi nhuận thu được trong kinh doanh. Tuy nhiên, với hoạt động đặc thù là giá vốn nguyên liệu đầu vào và giá bán sản phẩm đầu ra của Công ty được thanh toán bằng VNĐ, cộng với khoản vay bằng USD (ngắn hạn và dài hạn) với số dư nợ khoảng 570.000 USD nên rủi ro về tỷ giá hối đoái tại Công ty là không đáng kể.

Tóm lại, những rủi ro nêu trên của nền kinh tế thường rất khó dự đoán cũng như phòng tránh toàn diện. Vì thế, việc ý thức được những rủi ro này sẽ giúp CNG VIETNAM, bằng nội lực ổn định của mình, có những phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh có tính đến các biện pháp phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu thiệt hại.

2. Rủi ro luật pháp

CNG VIETNAM là một công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy liên quan. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, hoạt động của CNG

VIETNAM phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Do đó các văn bản Luật và dưới Luật đã và sẽ có nhiều chỉnh sửa để phù hợp với tình hình phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Những thay đổi này sẽ ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của CNG VIETNAM.

3. Rủi ro từ kinh doanh

CNG VIETNAM luôn chịu ảnh hưởng một cách trực tiếp từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trong nước đồng thời đặc biệt phụ thuộc vào nguồn cung khí của PVGas và việc tính toán chi phí vận chuyển khí bằng đường ống của PVGAS D. Bất cứ một sự biến động nào về nguồn khí đều có tác động tới giá khí đầu vào của CNG VIETNAM.

Hiện nay, nguồn cung khí cho thị trường Việt Nam chủ yếu từ trong nước (mà đầu mối là PVGas), duy chỉ có sản phẩm khí đốt hoá lỏng (LPG) là phải nhập khẩu thêm từ một số nước khác. Do vậy, CNG VIETNAM hiện chưa bị ảnh hưởng bởi giá khí nhập khẩu và tỷ giá ngoại tệ.

Sản phẩm khí là loại sản phẩm rất dễ cháy nổ, điều kiện về an toàn phòng chống cháy nổ đòi hỏi rất khắt khe. Để giảm thiểu rủi ro đặc thù này, CNG VIETNAM rất chú trọng trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu thiết kế, chế tạo, xây dựng đến vận hành, bảo dưỡng và phòng chống cháy nổ đảm bảo cho hệ thống cung cấp khí hoạt động liên tục.

4. Rủi ro dự án

Việc đầu tư các trạm giảm áp cho khách hàng mới, đầu tư các Nhà máy nén khí cấp cho các khách hàng thuộc các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, các khu công nghiệp phía Bắc,... tạo sự tăng trưởng cho CNG VIETNAM. Tuy nhiên, quá trình đầu tư này cũng tiềm ẩn rủi ro do một số khách hàng có thể không sử dụng trạm cung cấp khí mà CNG VIETNAM đã hoàn thành đầu tư xây dựng vì một số lý do khách quan nào đó, ví dụ như: suy thoái kinh tế, khách hàng thay đổi chiến lược sử dụng nhiên liệu... CNG VIETNAM có thể khắc phục rủi ro này bằng cách sử dụng các trạm giảm áp đã đầu tư để lắp đặt cho những khách hàng khác có

nhu cầu.

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Việc CNG VIETNAM niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty nhằm khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không thể tránh khỏi đối với các công ty niêm yết. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do lượng cung và cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế – xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, v.v... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.

6. Rủi ro khác

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như chiến tranh, khủng bố, các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh... và hệ thống khai thác – vận chuyển khí của nhà cung cấp bị sự cố (lỗi thiết bị, lỗi hệ thống...) ảnh hưởng đến sản lượng khí đầu vào của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, CNG VIETNAM luôn thực hiện nghiêm túc công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đồng thời mua bảo hiểm mọi rủi ro cho toàn bộ con người, tài sản và các dự án xây dựng, lắp đặt.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: **Vũ Tuấn Ngọc**

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông: **Đặng Văn Vĩnh**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bà: **Lê Thị Thu Giang**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Ông: **Ngô An Hòa**

Chức vụ: **Trưởng Ban kiểm soát**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: Trần Xuân Nam

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy ủy quyền số 39/UQ-CKDK ngày 12/08/2010)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn đăng ký công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu số 131/2010/CNG-CKDK HCM ngày 25/11/2010 với Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần CNG Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

“Bản cáo bạch”	Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
“Cổ đông”	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của CNG VIETNAM.
“Cổ phần”	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
“Cổ phiếu”	Chứng chỉ do CNG VIETNAM phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của CNG VIETNAM. Cổ phiếu của CNG VIETNAM có thể ghi tên và không ghi tên theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật.
“Cổ tức”	Số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của CNG VIETNAM để chia cho cổ đông.
“Điều lệ”	Điều lệ của CNG VIETNAM đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

- “Năm tài chính”** Tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
- “Người liên quan”** Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, công ty con (nếu có);
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- “Vốn điều lệ”** Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của CNG VIETNAM .

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật Chứng khoán năm 2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

ATCLMT	An toàn chất lượng môi trường
BCTC	Báo cáo tài chính
Biomass	Năng lượng sinh khối (hay Năng lượng từ vật liệu hữu cơ)

BHLĐ	Bảo hộ lao động
BKS	Ban kiểm soát
BTU	British Thermal Unit (Đơn vị nhiệt lượng của Vương Quốc Anh)
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CBM	Coaled methane (Khí than)
CNTT	Công nghệ thông tin
CNG	Compressed Natural Gas (Khí nén tự nhiên)
CNG VIETNAM hay Công ty	Công ty cổ phần CNG Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
DO	Dầu Diesel
ĐVT	Đơn vị tính
FO	Dầu nhiên liệu
GDP	Gross domestic product (Tổng sản phẩm nội địa)
Giấy CNĐT	Giấy Chứng nhận Đầu tư
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐQT	Hội đồng quản trị.
LN	Lợi nhuận
LNG	Liquefied Natural Gas (Khí thiên nhiên hóa lỏng)
LPG	Liquefied Petroleum Gas (Khí hóa lỏng)
Luật DN	Luật Doanh nghiệp
P/E	Hệ số giá trên thu nhập một cổ phiếu
PCCN	Phòng chống cháy nổ
PCLB	Phòng chống lụt, bão
PLC	Programmable Logic Controller (Bộ điều khiển Logic)
PRU	Pressure Reducing Unit (Trạm giảm áp)
PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
PVGas	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP
PVGas S	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam
PVGas D	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
SCADA	Supervisory Control And Data Acquisition (Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu)
SCL	Sửa chữa lớn
SCTX	Sửa chữa thường xuyên
Sm³	Tiêu chuẩn mét khối
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TOE	Ton of Oil Equivalent (Tấn dầu quy đổi)
TGD	Tổng Giám đốc
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNNH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
USD	Đơn vị tiền tệ của Hoa Kỳ, đồng đô la Mỹ.
VAT	Thuế giá trị gia tăng
VND	Đơn vị tiền tệ của Việt Nam, Đồng Việt Nam
VSLĐ	Vệ sinh lao động

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí – Công ty Cổ phần (DMC) (51% vốn điều lệ);
- Công ty IEV Energy Sdn. Bhd. (Malaysia) (42% vốn điều lệ);
- Công ty TNHH Sơn Anh (7% vốn điều lệ).

CNG VIETNAM được thành lập nhằm vận chuyển và cung cấp khí nén thiên nhiên phục vụ nhu cầu sử dụng của các hộ công nghiệp tại Việt Nam mà mạng lưới đường ống khí thấp áp không thể tiếp cận được. Sau hơn ba năm thành lập và phát triển, CNG VIETNAM đã đạt được một số thành tựu đáng kể như: đã trở thành nhà phân phối khí nén thiên nhiên (CNG) đầu tiên và lớn nhất tại Việt Nam; doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng liên tục hàng năm với tốc độ cao; thu nộp ngân sách hàng năm đạt từ 10 – 20 tỷ đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành Khí.

CNG VIETNAM là khởi nguồn tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam, là giải pháp công nghệ tiên tiến **“ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH TỚI MỌI NƠI”** sẽ giúp các Doanh nghiệp giảm chi phí nhiên liệu, góp phần bảo vệ môi trường.

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VIETNAM đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu m³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ ngày 03/09/2008. Nhà máy đang từng bước phát triển mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng theo từng giai đoạn và đạt công suất 100 triệu m³ khí/năm vào năm 2014.

Với mục tiêu trở thành một Doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong lĩnh vực cung cấp khí nén thiên nhiên cho các hộ công nghiệp trên phạm vi cả nước, phát triển theo hướng đảm bảo an toàn, hiệu quả, CNG VIETNAM đã và đang đầu tư mở rộng mạng lưới cung cấp khí CNG tại các KCN Phú Mỹ, Nhơn Trạch, Bình Dương, Biên Hòa, TP. Hồ Chí Minh, đang triển khai đầu tư xây dựng Nhà máy nén khí CNG tại KCN Nhơn Trạch, đang nghiên cứu hợp tác đầu tư xây dựng Nhà máy nén khí CNG tại Miền Bắc.

Ngoài sản phẩm chủ đạo là CNG, Công ty đang triển khai nghiên cứu để thực hiện thí điểm công nghệ Biomass, nghiên cứu công nghệ tàng trữ, chiết nạp, vận chuyển sản phẩm LNG nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường nhiên liệu.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CNG VIETNAM**
- Logo và Slogan của Công ty:



- Vốn điều lệ: **203.120.380.000 đồng** (Hai trăm lẻ ba tỷ một trăm hai mươi triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng)
- Trụ sở chính: **Số 35I, Đường 30/4, Phường 9, Tp.Vũng Tàu**
- Điện thoại: **(064) 3574 635** Fax: **(064) 3574 619**
- Website: www.cng-vietnam.com
- Email: info@cng-vietnam.com
- Giấy chứng nhận đầu tư số: **492032000040**

(Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 10 năm 2011 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp)

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG;
 - Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu thiên nhiên CNG, LNG và LPG;
 - Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật;
 - Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí;
 - Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.
- Tài khoản giao dịch: số **790.790.129.577.00021** tại Ngân hàng TMCP Đại Dương – Chi nhánh Vũng Tàu.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

1.3.1. Tiến độ góp vốn năm 2007:

Căn cứ Giấy CNĐT số 492032000040 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 05 năm 2007, CNG VIETNAM được thành lập dưới hình thức Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ đăng ký là 19.200.000.000 (Mười chín tỷ hai trăm triệu đồng) tương ứng với 1.920.000 (Một triệu chín trăm hai mươi ngàn) cổ phần.

Tính đến ngày 31/12/2007, số vốn thực góp và cơ cấu vốn góp của Công ty như sau:

Bảng 1: Cơ cấu vốn của CNG VIETNAM tính đến ngày 31/12/2007

STT	Danh sách cổ đông	Vốn cam kết góp (tr.đ)	Vốn thực góp đến 31/12/2007 (tr.đ)	Ghi chú
1	Công ty CP Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	9.792,00	9.792,00	Cổ đông sáng lập
2	Công ty IEV Energy SDN.BHD	8.064,00	2.434,32	Cổ đông sáng lập
3	Công ty TNHH Sơn Anh	1.344,00	1.344,00	Cổ đông sáng lập
	Vốn điều lệ thực góp	19.200,00	13.570,32	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2007 của CNG VIETNAM

1.3.2. Tiến độ góp vốn của các cổ đông năm 2008:

Ngày 25/03/2008, ĐHĐCĐ CNG VIETNAM ra Nghị quyết số 212/NQ – CNG thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 (Sáu mươi bảy tỷ hai trăm triệu) đồng. Theo đó, Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PV Gas D), Công ty CP Đầu tư Sơn Hà, và Công ty Vận tải Thương mại Sông Đà được tham gia góp vốn vào Công ty.

Ngày 08/09/2008, CNG VIETNAM ra Nghị quyết số 461/NQ – CNG thông qua việc thay đổi danh sách cổ đông và cơ cấu góp vốn vào CNG VIETNAM. Theo đó, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội được tham gia góp 10% vốn điều lệ, tương đương với 6.720.000.000 (Sáu tỷ bảy trăm hai mươi triệu) đồng, Công ty CP Đầu tư Sơn Hà và Công ty Vận tải Thương mại Sông Đà không tham gia góp vốn.

Tại thời điểm 31/12/2008, cơ cấu vốn góp của Công ty như sau:

Bảng 2: *Cơ cấu vốn của CNG VIETNAM tính đến ngày 31/12/2008*

STT	Danh sách cổ đông	Vốn cam kết góp		Vốn thực góp đến 31/12/2008		Vốn còn phải góp (triệu đồng)
		Giá trị (tr.đ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ lệ (%)	
1	Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas) – Công ty TNHH MTV	22.865	34,02	22.865	34,02	-
2	Công ty CP Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	18.144	27	18.144	27	-
3	Công ty IEV Energy SDN.BHD	8.064	12	8.064	12	-
4	Các cổ đông khác	18.128	26,98	18.127	26,98	-
	Vốn điều lệ (thực góp)	67.200	100	67.200	100	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008 của CNG VIETNAM

1.3.3. Tiến độ góp vốn của các cổ đông năm 2009:

Ngày 24/09/2009, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng tất cả quyền sở hữu từ Tổng Công ty Khí Việt Nam sang Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam theo Thông báo số 7426/TB-DKVN. Việc chuyển nhượng này đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp thuận theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh ngày 14/12/2009.

Tính đến thời điểm 31/12/2009, cơ cấu vốn góp của Công ty như sau:

Bảng 3: *Cơ cấu vốn của CNG VIETNAM tính đến ngày 31/12/2009*

STT	Danh sách cổ đông	Số tiền thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đăng ký (%)
1	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa	22.865	34,02

STT	Danh sách cổ đông	Số tiền thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đăng ký (%)
	lồng Miền Nam (PV Gas South)		
2	Công ty CP Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	18.144	27
3	Công ty IEV Energy SDN.BHD	8.064	12
4	Các cổ đông khác	18.127	26,98
	Vốn điều lệ (thực góp)	67.200	100,0%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 của CNG VIETNAM

1.3.4. Tiến độ góp vốn của các cổ đông năm 2010:

Theo Nghị quyết số 314/NQ-ĐHĐCĐ/2010 của ĐHĐCĐ ngày 02/04/2010, Công ty đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67,2 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược của Công ty (tổng số người mua cổ phần dưới 100) và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng đến hết ngày 02/11/2011 theo Nghị định 01/2010/NĐ-CP ngày 04/01/2010 của Chính phủ. Công ty đã nhận được sự chấp thuận phát hành của Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bằng Công văn số 751/BQL-DN ngày 24/08/2010.

Tại thời điểm 31/12/2010, cơ cấu vốn góp của Công ty như sau:

Bảng 4: Cơ cấu vốn của CNG VIETNAM tính đến ngày 31/12/2010

STT	Danh sách cổ đông	Số tiền thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đăng ký (%)
1	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PV Gas South)	44.582	35,67
2	Công ty CP Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	30.845	24,68

STT	Danh sách cổ đông	Số tiền thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đăng ký (%)
3	Công ty IEV Energy SDN.BHD	8.064	6,45
4	Các cổ đông khác	41.509	33,2
	Vốn điều lệ (thực góp)	125.000	100.00

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2010 của CNG VIETNAM

1.3.5. Tiến độ góp vốn của các cổ đông năm 2011

- Ngày 21/01/2011, Đại hội đồng Cổ đông bất thường đã ban hành Nghị quyết về tỉ lệ chi trả cổ tức năm 2010 là 40% vốn điều lệ, trong đó có 30% chi trả bằng cổ phiếu thông qua việc tăng vốn điều lệ theo tỉ lệ tương ứng. Thực hiện Nghị quyết này, ngày 29/03/2011, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 55/QĐ-CNG thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng cổ phiếu với tỉ lệ 30% vốn điều lệ, tương ứng với 3.749.943 cổ phiếu và tổng trị giá theo mệnh giá cổ phiếu là 37.499.430.000 đồng.

Theo Báo cáo kiểm toán vốn tại ngày 04/05/2011, cơ cấu vốn góp của Công ty như sau:

Bảng 5: Cơ cấu vốn của CNG VIETNAM tính đến ngày 04/05/2011

STT	Danh sách cổ đông	Số tiền thực góp (ngàn đồng)	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đăng ký (%)
1	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PV Gas South)	98.054.380	60,34
2	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Habubank	14.851.200	9,14
3	Công ty IEV Energy SDN.BHD	8.858.200	5,45
4	Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI)	7.872.800	4,84
5	Công ty IEV Group	7.338.240	4,52

STT	Danh sách cổ đông	Số tiền thực góp (ngàn đồng)	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đăng ký (%)
6	Các cổ đông khác	25.524.610	15,71
	Vốn điều lệ (thực góp)	162.499.430	100%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán vốn ngày 04/05/2011 của CNG VIETNAM

- Ngày 27/05/2011, Công ty đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 1539/UBCK-QLPH.
- Tháng 10/2011, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 25% vốn điều lệ, trong đó tạm ứng cổ tức năm 2011 là 10% vốn điều lệ và thưởng cổ phiếu là 15% vốn điều lệ. Việc phát hành cổ phiếu của Công ty được thực hiện bởi:
 - Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2011 ngày 13/9/2011 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường về việc phát hành cổ phiếu;
 - Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2011 ngày 23/9/2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần CNG Việt Nam về tạm ứng cổ tức 2011 và thưởng cổ phiếu;
 - Thông báo của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức và thưởng cổ phiếu của Công ty cổ phần CNG Việt Nam đăng trên website của UBCKNN ngày 29/9/2011.

Sau khi thực hiện phát hành và làm tròn cổ phiếu lẻ, kết quả phát hành như sau:

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông sau đợt phát hành

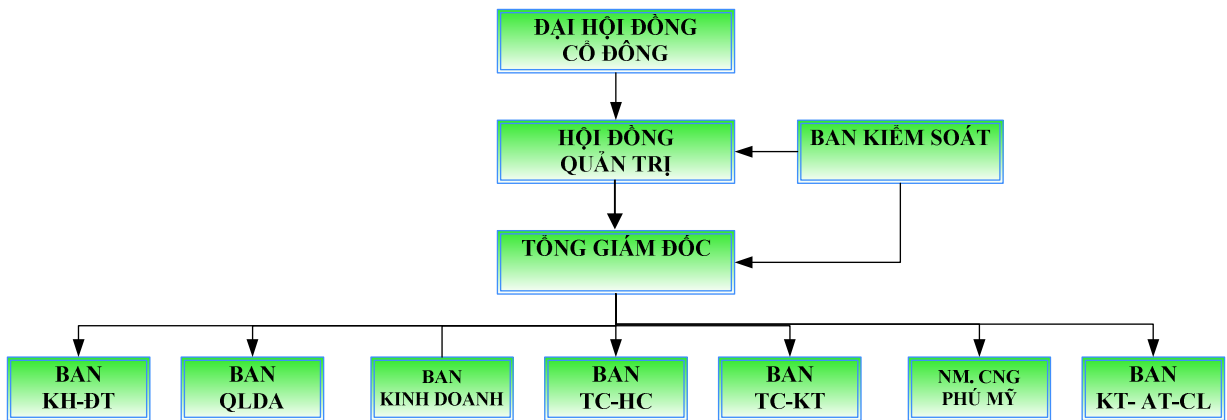
TT	Danh mục	Số tiền thực góp (ngàn đồng)	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đăng ký (%)
----	----------	---------------------------------	--

Tổng vốn chủ sở hữu:	20.312.038	100,00
- Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% trở lên):	14.442.475	71,10
- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.861.625	14,09
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	3.007.938	14,81
Trong đó:		
- Nhà nước:	0	0
- Trong nước:	16.718.709	82,31
- Người nước ngoài:	3.593.329	17,69

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần CNG VIỆT NAM được tổ chức và hoạt động theo (1) Luật Doanh Nghiệp và (2) Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua. CNG VIỆT NAM có cơ cấu tổ chức như sau:

Sơ đồ 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CNG VIỆT NAM



3. Cơ cấu bộ máy quản lý và quy chế hoạt động của các phòng ban

Bộ máy quản lý của CNG VIỆT NAM được tổ chức như sau:

- Đại hội đồng cổ đông:** ➤ Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG VIỆT NAM. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương

chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị:

- Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.
- Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa 05 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Ban kiểm soát:

- Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm.

Ban Tổng Giám đốc:

- Là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.
- Tổng Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

Ban Kế hoạch – Đầu tư

- Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát

triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

- Xây dựng, trình duyệt, quản lý và đề xuất các biện pháp để triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch SXKD và đầu tư dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty.

Ban Quản lý Dự án

- Là Ban chuyên trách trực thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong quá trình đàm phán và ký kết hợp đồng với các nhà thầu thực hiện dự án
- Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, ký các văn bản nghiệm thu, bản vẽ hoàn công và quyết định các vấn đề về kỹ thuật, thương mại của dự án.

Ban Kinh doanh

- Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) của Công ty.
- Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) theo chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Chủ trì, quản lý, giám sát và đàm phán các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện xây dựng, duy trì Hệ thống quản lý chất

lượng theo tiêu chuẩn ISO, OHSAS tại Ban và Công ty.

**Ban Tổ chức – Hành
chính**

- Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật trong toàn Công ty.
- Công tác quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc.
- Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

**Ban Tài chính – Kế
toán**

- Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty.
- Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty.
- Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty.
- Xây dựng, trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty. Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định.
- Phối hợp với các Ban khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Tổng Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài

chính, kế toán...

Ban Kỹ thuật – An toàn – Chất lượng

- Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khoa học – công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty.
- Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường, xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với các Ban liên quan chuẩn bị hồ sơ mời thầu, xem xét hồ sơ đấu thầu, dự toán xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa và các dịch vụ liên quan đến các hoạt động sản xuất, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác...

Nhà máy CNG Phú Mỹ

- Là Nhà máy thuộc bộ máy điều hành của Công ty, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Nhà máy có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan.
- Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Nhà máy được Công ty giao.
- Phối hợp với Ban Kỹ thuật – An toàn – Chất lượng trong việc lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ,

sửa chữa lớn và lập phiếu phân tích an toàn cho các công việc nguy hiểm trước khi thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa.

- Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí. Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 1400....

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 03/11/2011

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của Công ty tính đến thời điểm 03/11/2011 (ngày chốt danh sách cổ đông lập hồ sơ đăng ký chứng khoán tại VSD), như sau:

Bảng 7: *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của CNG VIETNAM tại ngày 03/11/2011*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PV Gas South)	Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM	12.256.796	60,34%
2	Công ty IEV GROUP SDN.BHD	Lot 4.100, Tingkat 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia	2.185.679	10,76%

Nguồn: CNG VIETNAM

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040, đăng ký lần đầu ngày 28/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2011 và danh sách cổ đông tại ngày 03/11/2011, Danh sách cổ đông sáng lập của CNG VIETNAM như sau:

Bảng 8: *Danh sách các cổ đông sáng lập của CNG VIETNAM*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	Tòa nhà CEO, Lô HH2, KĐT mới Mễ Trì, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	Đã chuyển nhượng hết cổ phần cho các cổ đông khác	
2	Công ty TNHH Sơn Anh	38/2A Đường số 2, Phường 7, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh		
3	Công ty IEV ENERGY SDN. BHD	Lot 4.100, Tầng 4, Wisma Central, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia	783.350	3,86%

Nguồn: CNG VIETNAM

Ghi chú: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp năm 2005, cổ đông sáng lập của CNG VIETNAM bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu trong thời hạn từ ngày 28/05/2007 đến hết ngày 28/05/2010. Do vậy, đến thời điểm hiện tại, tất cả các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông của CNG VIETNAM tại thời điểm 03/11/2011

Bảng 9: *Cơ cấu cổ đông của CNG VIETNAM tại ngày 03/11/2011*

STT	Danh mục	Vốn điều lệ (tr.đ)	Số cổ phần	% trên VDL thực góp	Số lượng cổ đông		
					Tổ chức	Cá nhân	Tổng
1	Cổ đông trong nước	167.187,09	16.718.709	82,31	02	501	503
1.1	Cổ đông là tổ chức	128.447,96	12.844.796	63,24	02	-	02
1.2	Cổ đông là cá nhân	38.739,13	3.873.913	19,07	-	501	501

STT	Danh mục	Vốn điều lệ (tr.đ)	Số cổ phần	% trên VĐL thực góp	Số lượng cổ đông		
					Tổ chức	Cá nhân	Tổng
2	Cổ đông nước ngoài	35.933.29	3.593.329	17,69	02	01	03
2.1	Cổ đông là tổ chức	29.690,29	2.969.029	14,62	02	-	02
2.2	Cổ đông là cá nhân	6.243	624.300	3,07	-	01	01
	Tổng	203.120,38	20.312.038	100	04	502	506

Nguồn: CNG VIETNAM

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CNG VIETNAM, những công ty mà CNG VIETNAM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CNG VIETNAM.

5.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CNG VIETNAM:

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền nam
Địa chỉ	: Lầu 4, Tòa nhà PetroViệt Nam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	: (08) 3910 0324/3910 0108
Số Fax	: (08) 3910 0097/3910 0325
Giấy CN đăng ký kinh doanh số	: 0305097236 do Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 19/5/2011.
Ngành nghề kinh doanh (chủ yếu)	<ul style="list-style-type: none"> • Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: vận chuyển khí hóa lỏng). • Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: xuất nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG). Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), các sản phẩm khí và các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán khí dầu mỏ

hóa lỏng tại trụ sở chính Công ty). Kinh doanh xăng, dầu, nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt. Kinh doanh và bảo dưỡng các công trình liên quan đến khí hóa lỏng.

- Khai thác khí đốt tự nhiên. Chi tiết: khai thác các công trình liên quan đến khí hóa lỏng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần : **60,34%** vốn điều lệ của CNG VIETNAM.
tại CNG VIETNAM

5.2. Danh sách Công ty mà CNG VIETNAM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Hiện tại, CNG VIETNAM không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với bất cứ công ty nào.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Sản lượng và giá trị dịch vụ của CNG VIETNAM trong năm 2009, năm 2010 và 09 tháng đầu năm 2011 như sau:

Bảng 10: Sản lượng và giá trị dịch vụ của Công ty

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng đầu năm 2011
I. Sản lượng	Triệu Sm ³	9,20	26,37	37,86
II. Doanh thu thuần	Tỷ đồng	75,69	285,41	516,77
III. Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	50,61	153,94	283,21

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng đầu năm 2011
IV. Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	25,08	131,47	233,56

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Từ khi thành lập đến nay, hoạt động sản xuất và chiết nạp khí nén thiên nhiên CNG là hoạt động cốt lõi của Công ty, phục vụ cho các khách hàng sử dụng nhiên liệu trong các khu công nghiệp và một số khách hàng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Với đội ngũ quản lý và công nhân lành nghề, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty đã ngày càng tạo được uy tín với khách hàng, từ đó mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Công ty.

Năm 2010, doanh thu của Công ty đạt 285,41 tỷ đồng tăng 209,72 tỷ đồng so với năm 2009, tương ứng với tỷ lệ là 277,09%. Nguyên nhân là do năm 2010 Công ty đã tiến hành ký kết được nhiều hợp đồng cung cấp CNG so với năm 2009, các khách hàng đã bắt đầu sử dụng khí CNG thay thế cho các loại nhiên liệu truyền thống như dầu DO, FO và khí hóa lỏng LPG, do đó sản lượng sản xuất năm 2010 đạt 26,37 triệu Sm³ khí, tăng 17,17 triệu Sm³ khí so với năm 2009. Ngoài ra, chính sách giá bán CNG của Công ty phụ thuộc vào giá nhiên liệu trên thế giới, do vậy, giá nhiên liệu thế giới tăng cao trong năm 2010 đã làm cho doanh thu của Công ty tăng theo tương ứng. Mặt khác, giá vốn hàng bán năm 2010 là 153,93 tỷ đồng tăng 103,32 tỷ đồng so với năm 2009 là 50,6 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 204,18%. Doanh thu tăng đột biến với tỷ lệ 277,09% trong khi giá vốn hàng bán chỉ tăng 204,18% đã làm cho Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất và kinh doanh của CNG VIETNAM năm 2010 đạt 131,47 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2009 (chỉ đạt 25,08 tỷ đồng), tương ứng với tỷ lệ tăng 424,2%.

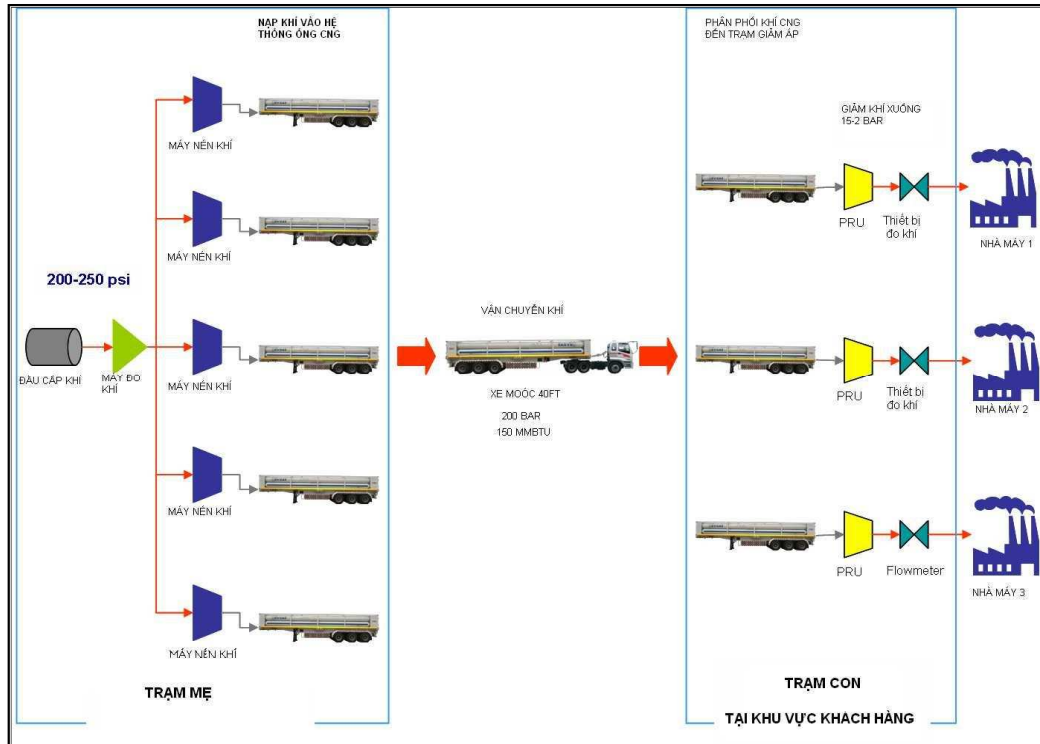
6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH₄ – metane (chiếm 85% - 95%) được lấy từ những mỏ khí thiên nhiên, mỏ dầu (khí đồng hành) hoặc khí nhà máy (thu được trong quá trình sản xuất của các nhà máy lọc dầu), qua xử lý, nén ở áp suất cao (từ 200 bar đến 250 bar), tồn trữ vào bồn chuyên dụng và vận chuyển tới các hộ tiêu thụ là các nhà máy có sử dụng nhiệt năng. Tại nhà máy khách hàng, khí CNG được giảm áp và gia

nhật qua một cụm thiết bị (Trạm giảm áp) để phù hợp với yêu cầu sử dụng của khách hàng.

Sơ đồ 2: DÂY TRUYỀN CUNG CẤP KHÍ



Nguyên vật liệu chính để sản xuất CNG là khí tự nhiên, hay còn được gọi là khí đầu vào. Nguồn khí đầu vào của CNG VIỆT NAM hiện nay được lấy trực tiếp từ đường ống hiện hữu của Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PVGas D). Đây là đơn vị duy nhất được phép cung cấp khí đường ống cho các hộ công nghiệp và là thành viên của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas).

6.2.2. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu cung cấp

Nguồn khí đầu vào của CNG Việt Nam được lấy trực tiếp từ PVGas D. Trong khi đó nguồn khí đầu vào của PVGas D là do PVGas cung cấp (hiện nay PVGas là nhà cung cấp khí duy nhất tại Việt Nam), tổng sản lượng khí khai thác của PVGas sẽ ưu tiên cung cấp cho các nhà máy điện, đạm và cuối cùng là các hộ công nghiệp. Tuy nhiên, sản lượng khí mà PVGas D phân phối cho các hộ công nghiệp chỉ chiếm 4% tổng sản lượng khai thác của PVGas, do đó việc biến động về sản lượng khí khai thác của PVGas sẽ

không tác động nhiều đến hoạt động kinh doanh của PVGas D và CNG VIETNAM. Hơn nữa, CNG VIETNAM được coi là đơn vị “cháu” của PVGas nên rủi ro biến động về sản lượng khí đầu vào của CNG VIETNAM sẽ được hạn chế ở mức thấp nhất có thể.

6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Khí đầu vào chiếm tỷ trọng khoảng 65% trong giá vốn hàng bán của Công ty. Do đó, biến động của giá khí đầu vào sẽ có ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hiện nay, giá khí đầu vào của Công ty bao gồm giá khí mua của PVGas và phí thuê đường ống vận chuyển của PVGas D theo Hợp đồng số 23/2008/KTA/KD-CNGVN/B1 ngày 22/07/2008 với thời hạn 04 năm, bắt đầu từ ngày ký đến ngày 31/12/2012, trong đó: Giá khí được đàm phán hàng năm và giá khí năm 2011 là 6,2 USD/MMBTU (tăng 28% so với năm 2010). Tuy nhiên, từ năm 2012, PVGas sẽ bắt đầu nhập khí nên giá khí sẽ từng bước được điều chỉnh để tiệm cận với giá thị trường.

6.3. Chi phí sản xuất

Chi phí hoạt động kinh doanh của CNG VIETNAM bao gồm các yếu tố chi phí sau:

Bảng 11: Tổng chi phí liên quan đến hoạt động của CNG VIETNAM

Đơn vị tính: triệu đồng

YẾU TỐ CHI PHÍ	Năm 2009	Năm 2010	Tăng, giảm 2010 so với 2009	9 tháng đầu năm 2011
Doanh thu thuần (DTT)	75.687	285.408	277,09%	516.770
Giá vốn hàng bán	50.607	153.935	204,18%	283.212
<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>66,86%</i>	<i>53,94%</i>		<i>54,80%</i>
Chi phí tài chính	4.088	8.450	106,74%	19.939
<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>5,40%</i>	<i>2,96%</i>		<i>3,86%</i>
Chi phí bán hàng	1.931	2.782	44,06%	5.259
<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>2,55%</i>	<i>0,97%</i>		<i>1,02%</i>
Chi phí quản lý	7.604	18.044	137,31%	16.205
<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>10,05%</i>	<i>6,32%</i>		<i>3,14%</i>

YẾU TỐ CHI PHÍ	Năm 2009	Năm 2010	Tăng, giảm 2010 so với 2009	9 tháng đầu năm 2011
Chi phí khác	1.112	1.030	-7,34%	2.261
<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>1,47%</i>	<i>0,36%</i>		<i>0,44%</i>

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Giá vốn hàng bán năm 2010 tăng 204,18% so với năm 2009. Mặc dù vậy, mức tăng của giá vốn vẫn thấp hơn mức tăng doanh thu thuần (277,09%), chứng tỏ Công ty đã sử dụng hiệu quả và tiết kiệm chi phí sản xuất.

Từ khi thành lập cho đến nay, CNG VIETNAM đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng và mở rộng Nhà máy CNG Phú Mỹ, do đó chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm phần lớn so với chi phí bán hàng. Đặc biệt, từ cuối năm 2009 và đầu năm 2010, Công ty đã tuyển dụng một số lượng đáng kể lao động (cả trực tiếp và gián tiếp) để hoàn thiện bộ máy quản lý và chuẩn bị đào tạo bổ sung cho lao động vận hành, vận chuyển, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng mới, do vậy, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng hơn rất nhiều so với năm 2009, cụ thể năm 2010 tăng 137,31% so với năm 2009. Mặt khác, do nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao công suất nén khí CNG của Công ty lên đến 50 triệu m³/năm đòi hỏi Công ty phải bổ sung nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng để tài trợ cho nhu cầu đầu tư như trên, do đó đã làm cho chi phí tài chính của Công ty cũng tăng đáng kể từ 4,09 tỷ đồng năm 2009 tăng lên đến 8,45 tỷ đồng năm 2010; tuy nhiên, do doanh thu tăng trưởng mạnh nên tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu hiện nay của Công ty là 2,96% - không đáng kể và đảm bảo đạt mức an toàn về mặt hiệu quả sản xuất kinh doanh và an toàn về tài chính.

6.4. Trình độ công nghệ

Cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như TSCĐ chủ yếu của Công ty bao gồm: Hệ thống máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, hệ thống phương tiện vận chuyển và hệ thống trạm giảm áp đặt tại các Khách hàng.

6.4.1. Hệ thống máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ:

- Tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Công ty sở hữu và vận hành đồng thời 02 trạm nén CNG với công nghệ nén là 200 bars và 250 bars. Cụ thể là:

- Trạm nén công nghệ 200 bars: gồm 03 máy nén, công suất mỗi máy là 1.800 sm³/giờ và 05 trụ nạp xe bồn. Tổng công suất nén của trạm này đạt 30 triệu sm³/năm. Trạm đã được khánh thành, đưa vào sử dụng từ ngày 03/09/2008 và hoạt động liên tục, ổn định cho tới nay;
- Trạm nén công nghệ 250 bars: gồm 03 máy nén, công suất mỗi máy là 2.500 sm³/giờ và 04 trụ nạp xe bồn. Tổng công suất nén của trạm này là 40 triệu sm³/năm. Trạm chính thức được đưa vào hoạt động từ tháng 02/2011.
- Hệ thống điện: Tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Hệ thống điện bao gồm 02 máy biến áp có tổng công suất là 4.500 KVA, hệ thống tủ phân phối điện cho cả 2 trạm nén, 02 máy phát điện dự phòng chạy dầu diesel có tổng công suất là 2.350 KVA và bộ hòa dòng đồng bộ. Hệ thống đảm bảo cung cấp điện cho 05 máy hoạt động liên tục (01 máy dự phòng), với công nghệ tiên tiến nhất nhập khẩu từ các nước Công nghiệp phát triển G-7;
- Hệ thống các thiết bị đo đếm: Bao gồm các thiết bị đo lưu lượng loại turbine và coriolis, thiết bị đo áp suất, nhiệt độ với công nghệ hiện đại. Tại Nhà máy, các tín hiệu được truyền về phòng điều khiển trung tâm và tại đây hệ thống máy tính sẽ cập nhật và xử lý số liệu, tính toán ra sản lượng khí giao nhận bằng đơn vị nhiệt lượng mmbtu và in hóa đơn mua bán khí hàng ngày. Tại các trạm khách hàng, sản lượng khí cũng được giao nhận bằng hệ thống đo đếm tự động flow computer. Tất cả các thiết bị đo đếm đều được các cơ quan có chức năng kiểm tra, kiểm định định kỳ và cấp chứng chỉ, đảm bảo sai số đo đếm không được vượt qua giới hạn cho phép là $\pm 1\%$;
- Hệ thống điều khiển: Phòng điều khiển trung tâm của các trạm nén tại Nhà máy sử dụng hệ thống điều khiển phân tán DCS (Distributed Control System), để theo dõi và vận hành toàn bộ các thiết bị. Các máy nén được điều khiển bằng chương trình PLC, cho phép vận hành ở chế độ hoàn toàn tự động, hoặc bằng tay. Tại các trạm PRU cũng được trang bị hệ thống điều khiển PLC, để theo dõi, vận hành, cảnh báo và xử lý các tình huống sự cố xảy ra trong trạm;
- Hệ thống các thiết bị an toàn: Bao gồm các thiết bị cảnh báo và bảo vệ như đầu dò khí, đầu dò lửa, đầu dò khói, các van đóng ngắt khẩn cấp (Shutdown Valve, SDV)

và các van xả an toàn (Safety Valve) khi vượt quá áp suất cài đặt. Các thiết bị này được kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm, để vận hành viên theo dõi trong suốt quá trình vận hành. Hệ thống sẽ tự đóng, cô lập và xả áp khi có sự cố nguy hiểm xảy ra; hoặc là người vận hành có thể nhấn nút khẩn cấp để dừng và cô lập toàn trạm, nếu phát hiện có nguy hiểm xảy ra. Đồng thời, Nhà máy còn có Hệ thống nước cứu hỏa, bao gồm bể nước ngầm và bơm cứu hỏa, có thể tự động xả khi có cháy nổ hay rò rỉ khí lớn.

6.4.2. Hệ thống phương tiện vận chuyển CNG:

Bao gồm: 07 xe đầu kéo hiệu NISSAN, 15 bồn thép loại 40 feet (bao gồm cả romoóc), 16 bồn composite loại 40 feet và 4 bồn composite loại 20 feet. Tổng công suất vận chuyển tối đa của các thiết bị này là 50 triệu $\text{m}^3/\text{năm}$;



Phương tiện vận chuyển CNG



Chuẩn bị vận chuyển CNG cung cấp cho khách hàng



Hệ thống máy nén CNG



Khu vực nạp CNG

6.4.3. Hệ thống các trạm giảm áp tại các khách hàng

Hệ thống các trạm giảm áp tại các khách hàng (PRU – Pressure Reducing Unit) bao gồm 12 hệ thống giảm áp đang cấp khí cho khách hàng, và 04 trạm mới đang triển khai lắp đặt để đưa vào sử dụng trong năm 2011. Mỗi trạm giảm áp gồm có hệ thống đường ống, các van giảm áp từ 250 bars xuống thấp hơn 7 bars, hệ thống đo đếm khí, hệ thống gia nhiệt và các thiết bị phụ trợ khác đi kèm nhằm đảm bảo các trạm này cấp khí an toàn và liên tục cho các khách hàng.

Hệ thống các trạm được thiết kế theo tiêu chuẩn ASME B31.3, 31.8, API, ANSI, IEC, NFPA ... Đối với các bồn chứa được thiết kế, chế tạo theo các tiêu chuẩn ISO 11439, ISO 11119, ASME (đối với bồn loại composite) và DOT, ASME... (đối với bồn thép);

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Bên cạnh sản phẩm khí thiên nhiên nén CNG, Công ty luôn luôn chú trọng đến công tác nghiên cứu và phát triển dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường, khách hàng, cụ thể là:

- Nghiên cứu, cải tiến để áp dụng các công nghệ mới, kỹ thuật mới, các biện pháp

cải tiến để nâng cao chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng;

- Nghiên cứu việc sử dụng các loại máy móc, trang thiết bị mới với công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình SXKD, cung cấp dịch vụ;
- Xây dựng mạng lưới cung cấp khí thiên nhiên nằm xa tuyến ống, trước mắt sử dụng CNG, LPG – Air. Khi có nguồn khí nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquified Natural Gas, LNG) tại Việt Nam, dự kiến vào cuối năm 2013, Công ty sẽ tham gia phân phối LNG tới các khách hàng Công nghiệp nằm ở khoảng cách xa hơn so với hiện nay;
- Phát triển và trở thành nhà cung cấp dịch vụ có uy tín và chất lượng hàng đầu về vận chuyển, phân phối CNG, LNG, bao gồm: lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa, tư vấn công nghệ CNG, LNG cho các khách hàng Công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải. Phát triển các dịch vụ khác có liên quan, tùy theo điều kiện thực tế. Phấn đấu tốc độ tăng doanh thu, dịch vụ bình quân từ 12-15%/năm;
- Đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đang nghiên cứu và cung cấp thí điểm sản phẩm Biomass cho một số khách hàng có nhu cầu. Biomass là một loại nhiên liệu thu được từ việc xử lý các sản phẩm phụ của nông nghiệp. Sử dụng Biomass sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao như giá thành rẻ, sạch, nguồn nguyên liệu rất dồi dào, đang sẵn có ở đồng bằng sông Cửu Long và chưa có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Chất lượng sản phẩm, cụ thể là đặc tính kỹ thuật của khí thiên nhiên luôn được liên tục kiểm soát, xử lý tại đầu nguồn bởi các chủ mỏ và các nhà máy chế biến khí Dinh Cố và Nam Côn Sơn. Tại đây, nguồn khí được xử lý và theo dõi liên tục bằng hệ thống phân tích trực tuyến, cho phép nhân viên vận hành điều chỉnh các thông số theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Do vậy, chất lượng khí thiên nhiên luôn luôn được đảm bảo làm sạch khỏi các tạp chất nguy hại cho sử dụng như nước, lưu huỳnh, thủy ngân, các chất rắn...Ngoài ra, các đơn vị chủ quản nguồn khí là PVGas và PVGas D đều đang áp dụng Hệ thống quản lý tích hợp ATCLMT theo các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001 và OHSAS 18001. PVGas đã được TUV đánh giá và cấp chứng chỉ từ năm 2003, PVGas D được cấp chứng chỉ từ năm 2007;

- Đối với CNG VIETNAM, sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO: 14001:2004 và đã được BSI (Viện tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào tháng 7/2010. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều tuân thủ theo Hệ thống Quản lý ATCLMT. Hệ thống được quản lý, giám sát và không ngừng được cải tiến. Hàng năm, Công ty tổ chức ít nhất là 02 đợt kiểm tra về An toàn – Chất lượng – Môi trường và Đánh giá nội bộ, đồng thời tổ chức họp xem xét của Lãnh đạo Công ty về Hệ thống. Ngoài ra, định kỳ hàng năm, BSI tiến hành kiểm tra và đánh giá lại Hệ thống để tư vấn cải tiến và gia hạn Chứng chỉ cho Công ty.



Chứng chỉ Hệ thống Quản lý ATCLMT do BSI cấp

6.7. Hoạt động Marketing

6.7.1. Chính sách bán hàng

➤ Tổng quan về thị trường:

- **Thị phần:**

Hiện nay, trên thị trường Việt Nam chỉ có hai nhà cung cấp khí CNG là PVGas S và CNG VIETNAM, tập trung toàn bộ tại khu vực phía Nam. Trong đó, thị

phần của CNG VIETNAM chiếm gần 50%. Các năm tới đây, Công ty có kế hoạch mở rộng mạng lưới khách hàng đến khu vực Miền Tây Nam Bộ và khu vực phía Bắc để gia tăng thị phần của Công ty.

- **Khách hàng:**

CNG VIETNAM chỉ tập trung cung cấp CNG cho các khách hàng tiêu thụ là các hộ công nghiệp có khoảng cách vận chuyển từ Nhà máy của CNG VIETNAM đến nơi tiêu thụ hợp lý (dưới 150 km). Do vậy, Công ty đang có kế hoạch đầu tư xây dựng thêm một số nhà máy tại các khu vực gần các khách hàng tiềm năng của Công ty.

- **Nhà cung cấp:**

Nhà cung cấp khí đầu vào của CNG VIETNAM là Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp dầu khí Việt Nam (PVGas D). Đây là công ty duy nhất được phép cung cấp khí đường ống và trực thuộc PVGas. Hợp đồng giữa nhà cung cấp và CNG VIETNAM đảm bảo tính ổn định về sản lượng khí cung cấp.

- **Đối thủ cạnh tranh:**

Doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng CNG duy nhất cạnh tranh với Công ty là Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (PVGas South). Tuy nhiên, với việc PVGas South đang sở hữu 60,34% vốn điều lệ của CNG VIETNAM đã giảm thiểu sự cạnh tranh tiêu cực trong lĩnh vực phân phối sản phẩm, thay vào đó là sự cạnh tranh tích cực, hỗ trợ và hợp tác.

➤ **Chính sách chung:**

- Ưu tiên sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường.
- Giá bán cạnh tranh với nhiên liệu truyền thống.
- Phù hợp lợi ích của Công ty, hài hòa lợi ích của khách hàng.

➤ **Chính sách cụ thể:**

- **Giá bán:**

Chính sách giá của CNG VIETNAM chủ yếu được xây dựng trên cơ sở chiết khấu

theo giá bán của các loại nhiên liệu trên thị trường hiện nay như dầu F0, dầu D0 và khí hóa lỏng (LPG). Khách hàng được hưởng các mức giá khác nhau phụ thuộc vào sản lượng khí sử dụng, khoảng cách vận chuyển từ điểm giao khí đến điểm nhận khí. Ngoài ra, giá bán còn phụ thuộc vào phương thức vận chuyển khí, phương thức đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị nhận khí của từng khách hàng. Chính sách này không những giúp khách hàng được hưởng mức giá cạnh tranh có lợi nhất mà còn đảm bảo lợi nhuận tối đa và gia tăng thị phần của CNG VIETNAM trên thị trường.

- **Phân phối:**

Chính sách phân phối của CNG VIETNAM rất linh hoạt, tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu nhận khí của khách hàng, CNG VIETNAM có thể đầu tư toàn bộ hoặc một phần trạm nén, xe bồn vận chuyển, trạm giảm áp và hệ thống đường ống, bếp đốt tại khách hàng.

- **Sản phẩm:**

Hiện CNG VIETNAM vẫn tiếp tục củng cố và phát triển thị trường sản phẩm hiện hữu CNG, đồng thời thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm: nghiên cứu và thí điểm tiêu thụ sản phẩm có năng lượng sinh khối Biomass, nghiên cứu công nghệ sản xuất và cung cấp LNG cho các khu công nghiệp có khoảng cách xa hơn.

6.7.2. Các hoạt động quảng cáo truyền thông, tiếp thị

Công ty luôn chú trọng thực hiện các hoạt động quảng cáo, truyền thông, tiếp thị bằng các hình thức sau:

➤ **Quảng cáo qua bán hàng trực tiếp:**

- Tìm hiểu, tiếp xúc và giới thiệu sản phẩm đến các khách hàng tiềm năng.
- Phát triển dịch vụ sau bán hàng: tư vấn kỹ thuật, bảo hành, bảo trì.
- Chính sách hậu mãi phù hợp: khách hàng tăng sản lượng sẽ được xem xét tăng chiết khấu, khách hàng có tình hình thanh toán tốt sẽ được xem xét giảm mức bảo lãnh,...

➤ **Quảng cáo qua kênh truyền thông:**

- Xây dựng website riêng: trang web của công ty có tên miền: www.cng-vietnam.com; www.cngvietnam.com, trên đó luôn cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và những tin tức liên quan đến Công ty.
- Quảng cáo trên truyền hình, Báo viết, Báo điện tử.
- Quảng cáo thông qua việc tổ chức các sự kiện, hội thảo, hội nghị, tài trợ,...
- Quảng cáo ngoài trời: đặt bảng quảng cáo ngoài trời trên các trục đường chính có lưu lượng người tham gia giao thông lớn,...

➤ **Hoạt động xây dựng thương hiệu**

Công ty đã thiết kế logo phù hợp với một đơn vị hoạt động trong Tập đoàn Dầu khí và ngành Khí. Slogan của Công ty được thiết kế đặc biệt, gây ấn tượng mạnh. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng Logo, Slogan của mình trên trang Web, công văn, văn hoá phẩm, bảng tên, đồng phục và quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng, bảng quảng cáo ngoài trời...

6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo theo tiêu chuẩn chung của tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam và Slogan “*Đem nguồn năng lượng sạch tới mọi nơi*”.



6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Trong thời gian qua, CNG VIETNAM đã ký kết được các hợp đồng mua bán khí như sau:

Bảng 12: *Danh sách Khách hàng đã ký hợp đồng mua khí với CNG VIETNAM*

STT	Khách mua hàng	Sản lượng Đăng ký tiêu thụ năm (Sm ³)	Số hợp đồng	Thời gian thực hiện Hợp đồng	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Công ty TNHH Gạch men Bách Thành	4.150.000	02-2008/CNGVN-BT	15/7/2008	31/12/2013
2	Công ty TNHH URC Việt Nam	7.600.000	04-2008/CNGVN-URC	22/12/2008	31/12/2013
3	Công ty CP Thiết bị vệ sinh Ceasar	5.900.000	06-2008/CNGVN-CEASAR	17/11/2008	31/12/2011
4	Công ty Dệt nhuộm Meisheng	3.937.000	08-2008/CNGVN-MEISHENG	23/12/2008	31/12/2013
5	Công ty CP Thép Thủ Đức	4.900.000	03-2009/CNGVN-VIKIMCO	18/9/2009	31/12/2011
6	Công ty Gạch men Long Tai	2.500.000	07-2009/CNGVN-LONGTAI	26/11/2009	31/12/2015
7	Công ty CP Gạch men Thanh Thanh	6.600.000	01-2010/CNGVN-THANH THANH	01/3/2010	31/12/2014
8	Công ty CP Sữa Việt Nam	3.000.000	09-2010/CNGVN-VNM	28/7/2009	31/12/2014
9	Công ty Friesland Campina Việt Nam	2.500.000	11-2010/CNGVN-FCV	15/3/2010	31/12/2015
10	Công ty CP Thực phẩm Masan	10.000.000	12-2010/CNGVN-MSI	01/6/2010	31/12/2014
11	Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	10.000.000	13-2010/CNGVN-HYOSUNG	22/7/2010	9/ 2011
12	Công ty CP Thép Đại Thiên Lộc	7.200.000	14-2010/CNGVN-ĐTL	01/8/2010	31/12/2015
13	Công ty CP Thép Biên Hòa	4.200.000	15-2010/CNGVN-VICASA	01/9/2010	31/12/2014
14	Công ty CP Trung Nguyên	2.000.000	16-2010/CNGVN-TNG	09/9/2010	31/12/2011
15	Công ty Giấy Glatz Fine Paper	3.000.000	20-2010/CNGVN-GFV	16/12/2010	30/04/2013
16	Công ty CP KD Khí hóa lỏng Miền Nam	400.000	12/CNGVN-PVGAS-SG/2010	01/7/2010	31/12/2011
17	Công ty TNHH MTV Sản xuất VLXD Đồng	3.360.000	02-2011/CNGVN-BMP	26/5/2011	31/12/2013

STT	Khách mua hàng	Sản lượng Đăng ký tiêu thụ năm (Sm ³)	Số hợp đồng	Thời gian thực hiện Hợp đồng	
				Bắt đầu	Kết thúc
	Tâm				
18	Công ty CP Đồng Tâm Dotalia	4.200.000	02-2011/CNGVN- DOTALIA	26/5/2011	31/12/2013
	Cộng	85.547.000			

Nguồn: CNG VIETNAM

Các hợp đồng sẽ tiếp tục gia hạn sau khi hết thời hạn trên.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần đây nhất

7.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng 13: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2010 tăng, giảm so với 2009	9 tháng đầu năm 2011
Vốn điều lệ	67.200	125.000	86,01%	162.499
Vốn thực góp	67.200	125.000	86,01%	162.499
Tổng Giá trị tài sản	173.887	359.576	106,79%	632.941
Doanh thu thuần	75.687	285.408	277,09%	516.770
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	13.551	106.216	683,83%	202.181
Lợi nhuận khác	(1.112)	(514)	185,95%	(2.152)
Lợi nhuận trước thuế	12.439	105.702	749,76%	200.029
Lợi nhuận sau thuế	12.232	105.310	760,96%	179.623
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18%	84%		
Tỷ lệ cổ tức / Mệnh giá	5%	40%		

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Ghi chú:

- Năm 2010, Công ty đã chi trả cổ tức 40%, trong đó bao gồm 10% trả bằng tiền

mặt và 30% trả bằng cổ phiếu.

- Năm 2011, Công ty đã tạm ứng cổ tức 10% bằng cổ phiếu.
- Vốn điều lệ đến thời điểm ngày 06/10/2011 là 203.120.380.000 đồng (theo Báo cáo kiểm toán vốn ngày 07/10/2011 của CNG VIETNAM).

Năm 2010, Tổng giá trị tài sản Công ty là 359,58 tỷ đồng tăng 185,69 tỷ đồng so với năm 2009 tương ứng với tỷ lệ tăng 106,79% là do một số nguyên nhân chính sau đây:

- Tài sản ngắn hạn tăng 114,3 tỷ đồng, trong đó:
 - Lợi nhuận thực hiện năm 2010 và tiền tăng vốn điều lệ năm 2010 cho dự án CNG VIETNAM điều chỉnh chưa sử dụng hết là 56,2 tỷ đồng.
 - Phải thu khách hàng tăng 53,7 tỷ đồng do sản lượng và doanh thu bán CNG tăng mạnh so với năm 2009.
 - Vật tư, hàng hóa tồn kho cuối năm tăng 4,4 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn tăng 71,3 tỷ đồng, chủ yếu tăng từ việc hoàn thành đầu tư, mua sắm thiết bị, phương tiện vận chuyển của dự án CNG VIETNAM điều chỉnh.

Việc ký kết được nhiều hợp đồng bán khí có giá trị lớn như Gạch men Thanh Thanh, Thép Thủ Đức, Hyosung, đã làm gia tăng đáng kể doanh thu của Công ty. Năm 2010, doanh thu đạt 258,41 tỷ đồng, tăng 182,72 tỷ đồng so với năm 2009, tương ứng với tỷ lệ tăng là 277,09%.

Tốc độ tăng trưởng doanh thu lớn hơn rất nhiều so với tốc độ tăng của tổng chi phí sản xuất kinh doanh đã làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng rất ấn tượng là 683,83% và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 105,31 tỷ đồng, tăng 93,08 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 760,96% so với năm 2009.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

7.2.1. Yếu tố thuận lợi

- **Nhà cung cấp:**

Nhà cung cấp khí đầu vào chính của CNG VIETNAM hiện nay là PVGas D. Với chủ trương của ngành dầu khí cho việc phát triển sản phẩm CNG nên Công ty nhận được

nhiều ủng hộ, hỗ trợ kịp thời từ các cấp, các ngành trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- **Đội ngũ lãnh đạo Công ty:**

Đội ngũ lãnh đạo của Công ty đều có nguồn gốc là CBCNV Dầu khí, đặc biệt, các lãnh đạo cấp cao đều do PVGas cử sang, do vậy họ đều có năng lực, kinh nghiệm và tâm huyết đối với công việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

7.2.2. Yếu tố khó khăn

- **Sản phẩm cạnh tranh gián tiếp:**

Khí thiên nhiên nói chung và CNG nói riêng hội tụ đầy đủ các yếu tố cấu thành nên một loại nhiên liệu mới, sạch, thay thế cho các loại nhiên liệu truyền thống (dầu FO, DO, than đá...) trong tương lai. Do các yếu tố về chính sách của Nhà Nước còn chưa bắt buộc các doanh nghiệp phải sử dụng nhiên liệu sạch và thái độ tiếp thu, nhận thức của khách hàng về loại nhiên liệu mới còn e dè, nên việc đưa sản phẩm CNG tiếp cận với khách hàng còn gặp nhiều khó khăn.

- **Quãng đường vận chuyển:**

Tình trạng quốc lộ 51 đang thi công mở rộng và tình trạng ùn, tắc kéo dài trên quốc lộ 1A đoạn từ ngã tư Biên Hòa đến Tân Vạn qua Ngã tư Thủ Đức ảnh hưởng lớn đến việc vận chuyển CNG bằng xe bồn. Trong năm tới, khi tuyến quốc lộ 51 hoàn thành, việc vận chuyển CNG sẽ thuận lợi hơn, đảm bảo phục vụ ngày một tốt hơn cho khách hàng.

- **Khách hàng:**

Công ty đã ký tổng cộng 18 hợp đồng mua bán khí và 8 Biên bản ghi nhớ với khách hàng trong các năm qua, tuy nhiên đến nay CNG VIETNAM đang cung cấp khí cho 15 khách hàng, một số khách hàng chưa nhận khí do nhiều nguyên nhân khách quan:

- Khách hàng Masan hiện nay đang sử dụng nhiên liệu Biomass có giá thành thấp hơn khí CNG. Họ coi khí CNG là nhiên liệu dự phòng.
- Khách hàng Dệt nhuộm Meisheng không được nhận khí do chưa xử lý triệt để hệ thống nước thải ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Các khách hàng khác do đang trong quá trình lắp đặt thiết bị nhận khí hoặc chưa

xây dựng xong nhà máy hoặc chưa đưa dây chuyền sản xuất mới vào hoạt động. Dự kiến trong năm 2011 CNG VIETNAM sẽ ký thêm 5 hợp đồng cung cấp với khách hàng.

- **Đối tác:**

Công ty nhập khẩu máy nén CNG và bồn chuyên dụng để vận chuyển CNG từ các đối tác ở châu Âu, Hoa Kỳ, Canada. Với đặc điểm là hàng chuyên dụng và không có hàng sản xuất sẵn, do vậy, khi có nhu cầu sử dụng, Công ty phải ký hợp đồng đặt mua trước ít nhất 04 tháng (chưa tính các thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Phân tích SWOT

- **Điểm mạnh**

- Trong thời gian qua, Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhờ vào đội ngũ cán bộ và nhân sự có kinh nghiệm về đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý dự án, đội ngũ ban lãnh đạo CNG VIETNAM đều là những người được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm về quản lý dự án, quản trị công ty, đoàn kết tốt và quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.
- CNG VIETNAM được thành lập trên địa bàn Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, một trong những khu vực phát triển năng động nhất miền Đông Nam Bộ. Bên cạnh đó, Tập đoàn Dầu khí Việt nam đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Điều này giúp CNG VIETNAM nhận được sự giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi từ chính quyền địa phương trong việc triển khai các công việc thực hiện dự án, bảo vệ an ninh, an toàn về người và tài sản của Công ty.
- Lộ trình phát triển ngành khí của Chính phủ nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ khí cũng là sự thuận lợi của CNG VIETNAM.

- **Điểm yếu**

- Tiến độ xây dựng và hoàn thành nâng công suất của Nhà máy hết sức cấp bách, khối lượng công việc của các gói thầu cần triển khai là rất lớn, trong khi bộ máy

nhân sự cần để triển khai thực hiện dự án còn thiếu. Đây cũng là thách thức lớn mà Công ty phải thực hiện trong giai đoạn này.

- Trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy CNG Phú Mỹ, giá cả các loại vật liệu xây dựng và vật tư trên thị trường có nhiều biến động. Sự tăng đột biến của giá cả vật tư, nhân công, nhiên liệu đã ảnh hưởng đến công việc lập, xét thầu, lập dự toán chi phí, đàm phán thương thảo các hợp đồng, các gói thầu, ... Do đó, sự biến động này đã ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.
- Công tác thi công xây dựng Nhà máy còn gặp nhiều khó khăn do khối lượng công trình lớn với hàm lượng vật chất kỹ thuật cao lại nằm xa trung tâm, hạ tầng cơ sở còn hạn chế.
- Để đầu tư xây dựng Nhà máy, Công ty phải huy động thêm vốn bằng hình thức vay từ các ngân hàng/ tổ chức tài chính. Tuy nhiên, thủ tục và điều kiện vay vốn của các ngân hàng ngày càng khắt khe, lãi suất vay vốn hiện nay là rất cao dao động từ 22% - 25%/năm.
- Để thu xếp được khoản tín dụng dài hạn cho dự án từ các tổ chức tín dụng nước ngoài, Công ty phải đáp ứng được những quy định khắt khe về môi trường, về khả năng trả nợ, cung cấp thực trạng về giá khí – giá điện, sự tham gia của các đối tác nước ngoài...
- **Cơ hội**
 - Ngay từ khi mới thành lập, CNG VIETNAM luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), PVGas, các đơn vị thành viên trong PVGas cũng như các đơn vị khác thuộc PVN, và các cơ quan, ban ngành tại địa phương ...
 - Nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đã dần thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, đang trong giai đoạn phục hồi chậm và tái cơ cấu để tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và CNG VIETNAM nói riêng tiếp tục triển khai việc đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh.
 - Nhu cầu rất lớn về nhiên liệu, đặc biệt là nhu cầu về CNG/LNG cho sự phát triển

của đất nước sẽ góp phần thuận lợi cho việc triển khai dự án được nhanh chóng.

- Thị trường nhiên liệu của Việt Nam sẽ chuyển sang giai đoạn thị trường nhiên liệu cạnh tranh.
- Dự án sản xuất và phân phối CNG là một trong những dự án quan trọng của Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế trong nước, thì ngành đầu tư xây dựng và vận hành các công trình khí, sản xuất và kinh doanh nhiên liệu là ngành luôn thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là tại Khu công nghiệp Phú Mỹ.
- **Nguy cơ**
 - Những bất ổn tiềm ẩn của nền kinh tế trong nước nói chung và của ngành dầu khí nói riêng trong giai đoạn hậu khủng hoảng của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Sức ép cạnh tranh từ các công ty, đơn vị sản xuất CNG/LNG khác trên thị trường.
 - Giá nguyên liệu đầu vào đang trong xu thế tăng lên như: giá điện, giá dầu,..., mặt khác, nguồn cung cấp khí phải nhập khẩu một phần từ nước ngoài nên bị ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái.

8.2. Vị thế của Công ty trong ngành

Mục tiêu của Công ty là xây dựng Công ty trở thành một công ty cổ phần mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch, địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước, phát triển theo hướng đảm bảo an toàn, hiệu quả và trở thành nhà cung cấp nhiên liệu chính cho các khu công nghiệp và giao thông vận tải.

Công ty cũng có lợi thế hơn hẳn so với những doanh nghiệp kinh doanh các nhiên liệu truyền thống như than, dầu FO, DO... nhờ tính ưu việt của việc sử dụng khí CNG làm nhiên liệu thay thế. Tính ưu việt này thể hiện trên nhiều phương diện: Công nghệ, kinh tế và đặc biệt là về môi trường, cụ thể:

- **Về công nghệ:**
 - CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH₄ – methane (chiếm 85%- 95%)

qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 bars đến 250 bar) nên nhiệt trị và hiệu suất đốt cháy cao, dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ buồng đốt, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Khí tự nhiên chiếm ưu thế hơn hẳn về khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiên liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.
- Khí tự nhiên không độc hại cũng không gây ăn mòn thiết bị.
- Sử dụng khí tự nhiên làm tăng tuổi thọ của hệ thống thiết bị: Nhiên liệu sạch nên không có muội than đóng trên các bề mặt làm việc của thiết bị, giảm đáng kể chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

- **Về môi trường:**

- Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO_x, NO_x, CO₂, không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO₂, NO₂, CO..., và hầu như không phát sinh bụi.
- Thành phần chính trong khí thải của quá trình đốt khí tự nhiên chủ yếu là H₂O và CO₂ và một tỷ lệ không đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường là CO, NO_x, HC, SO_x và muội than. Hàm lượng khói thải gần như bằng không, hàm lượng CO₂, CO, Hydrocarbon thấp hơn so với nhiên liệu xăng dầu.
- Khí tự nhiên được tàng trữ trong hệ thống khép kín và không bị bay hơi ra không khí như xăng dầu, do đó không thải Hydrocarbon ra môi trường, không tạo ozon là nguyên nhân gây hiệu ứng nhà kính.

- **Về hiệu quả kinh tế:**

- Khí tự nhiên có giá tính theo USD/triệu BTU rẻ hơn nhiều so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện. Sử dụng khí tự nhiên sẽ tiết kiệm được ít nhất 10% chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất.
- Các Trạm giảm áp (PRU) được hiện đại hóa, cải tiến liên tục, phù hợp với đối tượng khách hàng nên tiết kiệm được diện tích đất cũng như chi phí vận hành.
- Chất lượng sản phẩm được nâng cao cũng góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất và tính kinh tế của việc sử dụng khí.

Nói tóm lại, Công ty có ưu thế vượt trội so với các doanh nghiệp kinh doanh nhiên liệu truyền thống, đặc biệt trong tương lai ưu thế này càng rõ rệt hơn khi mà sự phát triển của nền kinh tế xã hội đòi hỏi phải là sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

8.3. Triển vọng phát triển của ngành sản xuất, kinh doanh nhiên liệu và vận hành các công trình khí

- **Xu hướng thị trường nhiên liệu thế giới:**
 - Thực tế hiện nay và trong tương lai dầu mỏ và khí đốt luôn là nguồn tài nguyên quý hiếm, là nguồn năng lượng, nguyên liệu chủ yếu, chiếm tỉ trọng lớn trong các nguồn năng lượng trên thế giới. Dầu khí luôn là mối quan tâm hàng đầu trong chính sách năng lượng của tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, hơn một thế kỷ qua các quốc gia đã tập trung vào việc khai thác dầu thô là chủ yếu, còn khí thiên nhiên mới được thăm dò và khai thác ở mức độ thấp và mang tính khởi đầu, do vậy theo nhận định của IEA (Cơ quan năng lượng quốc tế) và nhiều quốc gia, thế giới sẽ bắt đầu một kỷ nguyên mới trong đó khí thiên nhiên trở thành năng lượng chính sau hơn một thế kỷ ngự trị của dầu thô.
 - Khí thiên nhiên bắt đầu làm thay đổi trật tự năng lượng thế giới khi sản xuất kinh doanh toàn cầu chuyển từ việc sử dụng các dạng năng lượng truyền thống như than và dầu mỏ sang khí thiên nhiên. Hơn thế nữa, khi thế giới chuyển sang sản xuất điện nhờ sử dụng khí thì nhu cầu khí thiên nhiên được dự báo sẽ tăng nhanh hơn so với các Hydrocarbon khác. Tập đoàn Royal Dutch/Shell dự báo đến năm 2025, nhu cầu khí sẽ cao hơn nhu cầu dầu mỏ.
 - Theo IEA, trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng toàn cầu, tỷ trọng khí hiện chiếm 23,9% và tỷ trọng này đang gia tăng nhanh chóng với mức trung bình khoảng 3,1%/năm, dự kiến đến năm 2020 sẽ chiếm 30% tổng nhu cầu năng lượng toàn cầu.
 - Theo số liệu của Công ty dầu BP, tính đến cuối năm 2006, trữ lượng khí trên thế giới đã phát hiện và có khả năng khai thác khoảng 179,8 nghìn tỷ m³, dự kiến có thể khai thác ít nhất trong 67 năm tới.
- **Xu hướng thị trường nhiên liệu trong nước:**

- Nhu cầu sử dụng khí CNG của các hộ tiêu thụ công nghiệp tại Việt Nam tăng trưởng nhanh chóng qua các năm và cho đến nay nguồn cung chưa thể đáp ứng kịp với nhu cầu của thị trường.
- Theo dự báo của Viện nghiên cứu chiến lược, tổng nhu cầu năng lượng của Việt Nam sẽ đạt khoảng 65 - 72 triệu tấn dầu quy chuẩn (TOE) năm 2015 và 97 - 123 triệu TOE năm 2025. Về cơ cấu sử dụng, việc tiêu thụ các nguyên liệu sạch nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường như khí đốt, LPG... sẽ gia tăng nhanh chóng.
- Việc đưa khí và các sản phẩm khí vào sử dụng rộng rãi và thông dụng trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên toàn quốc góp phần rất nhiều vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, bảo vệ thiên nhiên, môi trường, nâng cao chất lượng, điều kiện sống cho toàn thể cộng đồng xã hội.
- Dưới sức ép của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các yêu cầu về chất lượng môi trường sẽ ngày càng cao, đặc biệt khi Việt Nam sẽ tham gia ngày càng nhiều công ước quốc tế về bảo vệ môi trường. Điều đó sẽ tác động đến việc bảo vệ môi trường sinh thái trong nước, dẫn tới môi trường sinh thái sẽ dần được cải thiện. Đồng thời, trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, hệ thống pháp luật và các cơ chế chính sách về quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường sẽ ngày càng hoàn thiện. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp muốn phát triển và phát triển bền vững thì phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề môi trường, đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp phải sử dụng nguồn nhiên liệu sạch (khí).

Với nhu cầu ngày càng tăng và tính ưu việt của khí tự nhiên đã phân tích ở trên, thì triển vọng phát triển của ngành dầu khí nói chung và khí, cũng như khí CNG nói riêng là rất khả quan và hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của phát triển bền vững của nước ta cũng như của thế giới.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

- **Định hướng phát triển của Công ty:**
 - Xây dựng CNG VIETNAM trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, với địa bàn hoạt động giai đoạn đầu là các tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, sau đó sẽ phát triển ra các tỉnh miền Tây Nam Bộ và trong tương lai sẽ rộng khắp trên phạm vi cả nước;

- Niêm yết và giao dịch cổ phiếu CNG trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2011;
- Phát triển CNG VIETNAM theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG, đồng thời chú trọng phát triển các dịch vụ kèm theo cùng với đầu tư tài chính và phát triển thương mại;
- Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.
- **Định hướng phát triển ngành Dầu khí:**
 - Phát triển ngành Dầu khí trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đồng bộ, bao gồm tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất, nhập khẩu. Xây dựng Tập đoàn Dầu khí mạnh, kinh doanh đa ngành trong nước và quốc tế.
 - Khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên dầu khí trong nước để sử dụng lâu dài; đồng thời tích cực mở rộng hoạt động khai thác dầu khí ở nước ngoài, phấn đấu khai thác khí 6-17 tỷ m³/năm.
 - Tích cực phát triển thị trường tiêu thụ khí trong nước, sử dụng khí tiết kiệm, hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng và vận hành an toàn hệ thống đường ống dẫn khí quốc gia; sẵn sàng kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á phục vụ cho nhu cầu xuất nhập khẩu khí. Sản xuất 10-15% tổng sản lượng điện của cả nước.
- **Định hướng phát triển ngành năng lượng của Chính phủ:**
 - Phát triển năng lượng gắn chặt với giữ gìn môi trường sinh thái, bảo đảm thực hiện phát triển năng lượng bền vững;
 - Ưu tiên phát triển, khai thác và sử dụng khí thiên nhiên. Khuyến khích và ưu đãi cho các nhà đầu tư thăm dò và khai thác các mỏ khí, đặc biệt là các mỏ khí có trữ lượng giới hạn biên. Đa dạng hóa hình thức đầu tư, liên doanh xây dựng nhà máy điện chạy khí để bán điện cho lưới điện quốc gia;
- **Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của Nhà nước:**
 - Phát triển phải đi đôi với phát triển bền vững, trong đó bao gồm cả phát triển bền

vững về môi trường, tức là phải nâng cao chất lượng môi trường. Môi trường tự nhiên không bị các hoạt động của con người làm ô nhiễm, suy thoái và tổn hại. Các nguồn phế thải từ công nghiệp và sinh hoạt được xử lý, tái chế kịp thời, vệ sinh môi trường được đảm bảo, con người được sống trong môi trường trong sạch, hòa hợp với thiên nhiên... ngăn ngừa, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, bảo vệ tốt môi trường, khắc phục suy thoái và cải thiện chất lượng sinh thái;

- Chiến lược ngăn chặn việc gây ô nhiễm môi trường sẽ được thực hiện, tình trạng xuống cấp của môi trường sinh thái từng bước sẽ được khắc phục. Chính sách bảo vệ môi trường nhằm thực hiện việc đảm bảo việc khai thác và sử dụng năng lượng với việc quản lý tốt môi trường; áp dụng các tiêu chuẩn môi trường tiên tiến hợp lý sẽ được ban hành và đưa ra thực hiện.

- **Xu hướng phát triển của Thế giới:**

Xu hướng phát triển của kinh tế toàn cầu là phát triển bền vững, bên cạnh mối quan tâm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, các nhà hoạch định chính sách tại nhiều quốc gia trên thế giới rất quan tâm và đặt ra nhiều mục tiêu nhằm bảo vệ môi trường. Mà một trong những giải pháp nhằm góp phần bảo vệ môi trường là sử dụng nguồn nhiên liệu sạch trong đó có khí CNG.

- **Đánh giá về sự phù hợp:**

Như đã phân tích ở trên, ta thấy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tại thời điểm thành lập, tổng số lao động của Công ty là 13 người. Tính đến thời điểm 30/09/2011, tổng số lao động của Công ty là 155 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, thời hạn hợp đồng lao động và trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 14: *Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 30/09/2011*

Nội dung phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
--------------------	------------------	-----------

Nội dung phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo giới tính	155	100
- Nam	127	82
- Nữ	28	18
Phân theo trình độ chuyên môn	155	100
- Trên Đại học	1	0,65
- Đại học	64	41,29
- Cao đẳng, trung cấp	29	18,71
- Công nhân kỹ thuật	27	17,42
- Sơ cấp, trung học chuyên nghiệp	3	1,94
- Lái xe	28	18,05
- Lao động phổ thông	3	1,94
Lương bình quân/người (triệu đồng/tháng)	12,9	

Nguồn: CNG VIETNAM

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố tiên quyết ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhìn nhận đúng đắn vấn đề đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng trong công tác tuyển chọn nhân sự, đào tạo phát triển nguồn nhân lực lâu dài đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn nhân lực của Công ty qua 3 năm 2008, 2009, 2010 và 09 tháng đầu năm 2011 đều tăng cả về số lượng và chất lượng. Nhìn chung trình độ của nguồn nhân lực Công ty đang sử dụng tương đối cao và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Do đặc thù của ngành và tính chất công việc nên Công ty sử dụng nhiều lao động nam hơn nữ, tỷ lệ nam giới luôn chiếm trên 80% tổng số lao động của Công ty.

9.2. Chính sách đào tạo, lương và các chính sách đãi ngộ khác

9.2.1. Chính sách đào tạo

Mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty là trở thành nhà cung cấp khí CNG hàng đầu tại Việt Nam, đảm bảo phát triển vững mạnh, an toàn, chất lượng, hiệu quả. Để có thể thực hiện thành công mục tiêu chiến lược, Công ty đã và đang định hướng tiêu chuẩn hóa nhiều lĩnh vực trong đó có công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cụ thể ở một số điểm như sau:

➤ Mục tiêu đào tạo:

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của công việc đề ra cả về số lượng và chất lượng;
- Áp dụng hệ thống quản lý nhân sự theo các chuẩn mực quốc tế, nâng cao khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh cho CBCNV;
- Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn có trình độ cao trong các lĩnh vực then chốt: quản lý điều hành, khoa học công nghệ, ...

➤ **Phân cấp đào tạo theo cấp độ đào tạo:**

- Trình độ trên Đại học:
 - Đào tạo đội ngũ cán bộ trình độ trên Đại học nhằm thực hiện nhiệm vụ chủ yếu cho công tác quản lý, nghiên cứu khoa học từ đó áp dụng vào thực tế hoạt động SXKD của Công ty và phục vụ các khóa học nội bộ đào tạo cho các đối tượng ở trình độ thấp hơn;
 - Đối tượng của cấp đào tạo này thường không nhiều về số lượng vì các lý do : chi phí đào tạo lớn, chỉ một số ít lĩnh vực đòi hỏi trình độ rất cao như vậy.
- Trình độ Đại học:
 - Đào tạo cập nhật, bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV;
 - Nâng cao trình độ ngoại ngữ, các kỹ năng mềm phục vụ giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty;
- Trình độ Cao đẳng – Trung cấp: đây là đội ngũ trực tiếp thực hiện các thao tác kỹ thuật thực tế, vận hành các Trạm, thiết bị kỹ thuật vì vậy yêu cầu cốt lõi đối với đội ngũ này là: đủ năng lực và trình độ kỹ thuật để thực hiện đúng và an toàn các quy trình vận hành, quy trình vận chuyển, đảm bảo theo kịp sự thay đổi của các thiết bị tân tiến:
 - Đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật chuyên ngành, tập trung vào đào tạo các kỹ năng để thực hiện công việc;
 - Đào tạo về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ;
 - Ưu tiên hình thức kèm cặp, chỉ việc tại chỗ (đào tạo trong công việc).

9.2.2. Chính sách lương

Công ty thực hiện xây dựng và áp dụng Quy chế lương, thưởng, hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên; thực hiện việc trả công, trả lương cho người lao động gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các Doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

9.2.3. Các chính sách đãi ngộ khác

- Công ty luôn coi trọng việc xây dựng và cải tiến môi trường làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người lao động đều được làm việc. Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng quy định của Pháp luật. Công ty ký hợp đồng mua bảo hiểm con người với Công ty cổ phần bảo hiểm dầu khí (PVI) cho CBCNV.
- Công ty rất quan tâm đến việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong điều kiện và khả năng của Công ty, tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát hàng năm.
- Ngoài ra, Công ty rất chú trọng trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo và khuyến khích CBCNV học tập, nâng cao trình độ để làm việc lâu dài tại Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Tình hình chi trả cổ tức qua các năm như sau:

Bảng 15: *Tình hình chi trả cổ tức tại Công ty những năm qua*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008 (đồng)	Năm 2009 (đồng)	Năm 2010 (đồng)
1	Vốn điều lệ	67.200.000.000	67.200.000.000	125.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	(4.472.404.214)	12.231.765.752	105.310.132.116

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008 (đồng)	Năm 2009 (đồng)	Năm 2010 (đồng)
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	-	5%	10%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30%

Nguồn: CNG VIETNAM

Ghi chú: Công ty đã tạm ứng cổ tức 10% bằng cổ phiếu trong năm 2011.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (–) giá trị hao mòn lũy kế;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại vị trí đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình;
- Từ ngày 01/01/2010, Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010 của Công ty (Thuyết minh số 4 và số 8). Công ty tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên

thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bảng 16: Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)		
		2009	2010	09 tháng 2011
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	10	10	10
2	Máy móc và thiết bị	07 – 10	06 – 10	06 – 10
3	Thiết bị văn phòng	03 – 05	03 – 04	03 – 04
4	Phương tiện vận tải	10	06 – 08	06 – 08

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

11.1.2. Mức lương bình quân

Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tiền lương và thu nhập trong Công ty. Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty luôn luôn được điều chỉnh để đảm bảo đời sống cho CBCNV đồng thời thu hút nhân tài cho Công ty và gắn kết CBCNV lâu dài với Công ty.

Tiền lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2008 là 9,4 triệu đồng/người, năm 2009 là 8,7 triệu đồng/người và năm 2010 là 12 triệu đồng/người. Lý do của việc giảm tiền lương bình quân năm 2009 so với năm 2008 là vì, từ tháng 6/2009, Công ty sắp xếp lại tiền lương trả cho người lao động theo hệ thống thang bảng lương theo Nghị định 205/CP thay vì tiền lương khoán bằng Đôla Mỹ theo mô hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như thời gian từ tháng 5/2009 trở về trước. Mặt khác, số lao động bình quân năm 2009 tăng 55 người, chủ yếu là lực lượng công nhân vận hành và lái xe vận chuyển có mức lương thấp so với lao động bình quân năm 2008 chủ yếu là lao động quản lý. Tiền lương bình quân của Công ty thuộc loại khá so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định. Tính đến thời điểm 30/09/2011, Công ty không có khoản nợ phải trả nào quá hạn.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế

thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế, phí khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 17: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	9 tháng đầu năm 2011
Thuế TNDN	-	-	20.406.345.495
Thuế TNCN	132.794.558	467.151.370	1.261.735.912
Thuế GTGT	1.942.199.368	9.153.489.421	6.857.101.703
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		4.153.650.511	6.316.739.020
Thuế khác	3.000.000	4.199.000	8.520.997
Tổng cộng	2.077.993.926	13.778.490.302	34.850.443.127

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nhiên liệu trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho những năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 02 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 06 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25% trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành.

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và Luật định.

Bảng 18: Số dư các quỹ qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	9 tháng đầu năm 2011
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	36.859
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	4.784
Quỹ dự phòng tài chính	-	610	11.141
Tổng cộng	-	610	52.784

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Do Công ty mới thành lập từ năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007, 2008 bị lỗ, năm 2009 Công ty mới bắt đầu có lãi, nhưng do phần lãi còn ít nên chưa trích lập các quỹ. Đến năm 2010, Công ty mới trích lập quỹ dự phòng tài chính.

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư vào tài sản cố định, Công ty luôn phải tìm kiếm các nguồn cung cấp tín dụng uy tín với lãi suất cho vay hợp lý từ các Ngân hàng thương mại và các định chế tài chính của Tập đoàn Dầu khí.

Bảng 19: Số dư nợ vay của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	30/09/2011
Vay ngắn hạn	24.232.938.009	31.053.738.106	40.963.811.853
Vay dài hạn	49.976.408.102	37.625.259.254	113.680.166.310
Tổng cộng	74.209.346.111	68.678.997.360	154.643.978.163

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Thuyết minh về các khoản vay của Công ty tại thời điểm 30/09/2011 như sau:

Vay ngắn hạn

- Vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu với dư nợ hiện tại là 30.152.758.289 đồng theo Hợp đồng vay trung hạn số 286.10.002.452897.TD.DN ngày

01/11/2010, số dư này được kết chuyển từ khoản vay dài hạn sang vay dài hạn đến hạn trả.

- Vay từ Tổng Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (PVFC Vũng Tàu) với dư nợ hiện tại là 10.811.053.564 đồng theo Hợp đồng vay trung hạn số 05/2008/HĐTDTH-TCĐK-15-14 ngày 06/5/2008, số dư này được kết chuyển từ khoản vay dài hạn sang vay dài hạn đến hạn trả.

Vay dài hạn

- Tại ngày 06/05/2008, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với PVFC Vũng Tàu với mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị cho dự án CNG VIETNAM. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với hạn mức tín dụng là 5.491.757 đô la Mỹ và sẽ đáo hạn vào ngày 10/07/2012. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất một tháng bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,4% đối với đô la Mỹ và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng với 0,5% đối với đồng Việt Nam. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền được tạo ra từ tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng.

- Tại ngày 01/11/2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại CP Quân đội – Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG VIETNAM điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng Việt Nam và đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất thả nổi và được điều chỉnh hàng quý. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền tạo ra từ các tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Chi tiết các khoản vay dài hạn đến 30/09/2011

STT	Số HĐ	Ngày	Nội dung	Số dư nợ	Đối tác
1	05/2008/HĐ TDTH-TCĐK-15-14	06/05/2008	Vay trung hạn 4 năm, dự án CNG Việt Nam	13.928.556.903 VND và 114.280,98 USD	Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam – CN Vũng Tàu (PVFC)

STT	Số HĐ	Ngày	Nội dung	Số dư nợ	Đối tác
2	286.10.002. 452897.TD. DN	01/11/2010	Vay trung hạn 5 năm, dự án CNG Việt nam điều chỉnh	97.395.364.174 VNĐ	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Vũng Tàu
	Tổng cộng			111.323.921.077 VNĐ và 114.280,98 USD	

(Nguồn: BCTC 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2009, 2010 đã kiểm toán và 9 tháng đầu năm 2011, tình hình công nợ của Công ty như sau:

- Các khoản phải thu:**

Bảng 20: Các khoản phải thu qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	2010 tăng, giảm so với 2009	30/09/2011
I	Phải thu ngắn hạn	24.968	78.715	215%	109.888
1	- Phải thu khách hàng	23.775	62.872	164%	98.744
2	- Trả trước cho người bán	8	8.225	97.119%	3.071
3	- Các khoản phải thu khác	1.185	7.619	543%	8.073
II	Phải thu dài hạn	-	-	-	0
	Tổng cộng	24.968	78.715	215%	109.888

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

- Các khoản phải trả (không bao gồm các khoản vay):**

Bảng 21: Các khoản phải trả qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	2010 tăng, giảm so với 2009	30/09/2011
----------	----------	----------	-----------------------------	------------

Nợ ngắn hạn	26.332	55.648	111,32%	89.031
Phải trả cho người bán	20.336	37.971	86,71%	56.808
Thuế và các khoản phải nộp cho NN	801	1.688	110,59%	8.850
Phải trả công nhân viên	1.854	5.538	198,64%	9.716
Chi phí phải trả	2.867	9.746	239,91%	8.169
Phải trả phải nộp khác	474	705	48,67%	704
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	4.784
Nợ dài hạn	74	2.074	2704,74%	74
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	74	74	-0,45%	74
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	2.000	-	-
Tổng cộng	26.406	57.722	118,59%	89.105

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Chi phí phải trả tại thời điểm 30/09/2011 bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Chi phí thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây lắp trạm nén CNG	6.889,94
Chi phí vận chuyển khí	922,55
Chi phí phải trả khác	356,06
<u>Tổng cộng</u>	<u>8.168,55</u>

Nguồn: BCTC 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM

Các khoản phải trả, phải nộp khác tại 30/09/2011 bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Kinh phí công đoàn	38,11
Bảo hiểm xã hội	85,66
Bảo hiểm y tế	17,46

Chỉ tiêu	Số tiền
Bảo hiểm thất nghiệp	3,46
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	558,97
Tổng cộng	703,66

Nguồn: BCTC 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM

11.2. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2009, 2010 và 9 tháng năm 2011

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	30/9/2011
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ / Nợ ngắn hạn)	1,35	2,11	2,54
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,35	2,05	2,48
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	57,68%	35,15%	38,51%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	137,32%	54,21%	62,63%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	187,02	59,50	46,76
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (%)	55,79%	107,00%	104,13%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	16,16%	36,90%	34,76%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	18,21%	68,73%	57,72%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	9,02%	39,48%	36,20%
- Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	17,90%	37,22%	39,12%

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Các chỉ số trên có thể cho ta thấy bức tranh tổng quát về tình hình hoạt động của CNG VIETNAM như sau:

- **Khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán của Công ty rất tốt và được cải thiện hơn trong năm 2010 và tiếp tục tăng trong 9 tháng đầu năm 2011 và đều đạt trên là 2 lần so với 1,35 lần của năm 2009, thể hiện tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, Công ty có khả năng và luôn chủ động trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của mình.

- **Về cơ cấu vốn:**

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn được cải thiện tích cực qua các năm hoạt động, đặc biệt, chỉ tiêu nợ/tổng tài sản giảm từ 57,86% năm 2009 xuống còn 35,15% năm 2010, chỉ tiêu nợ/vốn chủ sở hữu đã giảm mạnh từ 137,32% năm 2009 xuống còn 54,21% năm 2010. Nguyên nhân là trong năm 2010, Công ty đã huy động thêm vốn là 57,8 tỷ đồng từ cổ đông và lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh tăng ấn tượng và đạt 93,08 tỷ đồng đã làm cho nguồn vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong khi nợ vay và các khoản nợ khác không tăng đáng kể. Sang năm 2011, Công ty có huy động thêm vốn tín dụng để tài trợ cho Dự án CNG Việt Nam điều chỉnh nên số dư nợ vay tăng lên, làm tỉ lệ nợ vay tăng nhẹ so với năm 2010.

- **Về năng lực hoạt động:**

Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh là cung cấp khí CNG cho các hộ tiêu thụ tại các Khu công nghiệp từ đường ống dẫn khí và các xe vận chuyển chuyên dụng cho khách hàng đã đăng ký sử dụng trước, nên công tác dự trữ lượng khí tồn kho của Công ty luôn được tính toán và cập nhật kịp thời bằng hệ thống tính toán hiện đại, vì vậy lượng khí CNG tồn kho của Công ty là khá thấp (với giá trị hàng tồn kho năm 2009 là 372 triệu đồng và năm 2010 là 4,8 tỷ đồng). Giá trị hàng tồn kho tăng do việc mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh thêm phương tiện chứa và vận chuyển cũng như tuyến đường cung cấp hàng hóa xa hơn. Giá trị hàng tồn kho năm 2010 tăng 12,9 lần so với năm 2009, nhưng vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã giảm 3 lần (187 vòng năm 2009 so với 60 vòng năm 2010), tuy nhiên mức tăng doanh thu của Công ty là rất tốt và vòng quay vốn lưu động của Công ty hiện tại là khá cao.

Chỉ tiêu doanh thu trên tổng tài sản bình quân của Công ty tăng từ 55,79% năm 2009 lên 107% năm 2010 cho thấy CNG VIETNAM hoạt động rất hiệu quả, thể hiện rõ ở tốc độ tăng trưởng doanh thu năm 2010 đạt 277,09% nhanh hơn tốc độ tăng trưởng về tài sản là 107%.

- **Về khả năng sinh lời:**

Sự gia tăng nhanh chóng của Doanh thu kéo theo sự gia tăng đột biến của Lợi nhuận làm cho chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản bình quân tăng lên từ 9,02% năm 2009 lên 39,48% năm 2010, qua đó chứng tỏ Công ty đang trong giai đoạn phát triển mạnh sau một thời gian đầu tư và nâng cao công suất Nhà máy sản xuất khí CNG. Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời khác đều tích cực, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 18,21% - 68,73% là một tỷ lệ khá cao đối với một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong bối cảnh toàn bộ nền kinh tế đều chịu sự ảnh hưởng từ sự khủng hoảng và suy thoái.

Nhìn chung, qua các chỉ tiêu tài chính có thể thấy CNG VIETNAM là một doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh khá hiệu quả và tình hình tài chính lành mạnh. Bên cạnh đó, việc triển khai xây dựng thêm các nhà máy CNG tại các Khu công nghiệp tại khu vực Đồng Nai, miền Tây Nam bộ và phía Bắc sẽ góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trong các năm tiếp theo.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên HĐQT
4	Ông Christopher Nghĩa Đỗ	Ủy viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Đăng Trình	Ủy viên HĐQT

1. Ông Vũ Tuấn Ngọc

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính

: Nam

Ngày tháng năm sinh : 30/07/1957
Nơi sinh : Nam Định
CMND : 271467976 Ngày cấp: 30/08/2001 Nơi cấp: Công an
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Nam Định
Địa chỉ thường trú : 4/13 Trần Khắc Chung, P.7, Tp.Vũng Tàu
Số ĐT liên lạc ở cơ quan : 064 357 4635
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 07/1983 – 12/1989 : Ban Quản lý công trình dầu khí Vũng Tàu – Tổng cục
dầu khí – Chuyên viên Phòng kế hoạch
Từ 01/1990 – 03/1993 : Công ty Khí đốt – Chuyên viên Phòng kế hoạch
Từ 04/1993 – 02/1996 : Công ty Khí đốt – Phó Phòng Kế hoạch
Từ 03/1996 – 11/2006 : Tổng Công ty Khí Việt Nam – Trưởng Phòng Kế
hoạch
Từ 12/2006 – 07/2007 : Tổng Công ty Khí Việt Nam – Kiểm soát viên
Từ 08/2007 – 09/2008 : Tổng Công ty Khí Việt Nam – Kiểm soát viên trưởng
Từ 10/2008 đến nay : Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chủ tịch HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số CP nắm giữ (thời điểm
03/11/2011), trong đó: : 4.161.046 cổ phần, chiếm 20,49% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu của PVGas : 4.131.796 cổ phần
South
+ Cá nhân sở hữu : 29.250 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Những người có liên quan : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2. Ông Đặng Văn Vĩnh**Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/07/1967

Nơi sinh : Đức Tùng – Đức Thọ – Hà Tĩnh

CMND : 181464267 Ngày cấp: 23/7/2004 Nơi cấp: Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghệ An

Địa chỉ thường trú : 52 Lô R – Lương Thế Vinh – P.9 – TP. Vũng Tàu

Số ĐT liên lạc : 064 357 4635

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 11/1989 – 05/1991 : Chuyên viên Sở thủy lợi Nghệ An

Từ 06/1991 – 05/1995 : Chuyên viên Liên hiệp các Xí nghiệp Dầu tầm tơ Việt Nam

Từ 06/1995 – 07/2002 : Chuyên viên Tổng Công ty Khí

Từ 08/2002 – 04/2007 : Trưởng phòng Kinh doanh – Xí nghiệp Kinh doanh khí thấp áp/PV Gas

Từ 05/2007 – 07/2007 : Phó Giám đốc xí nghiệp kinh doanh khí thấp áp

Từ 08/2007 – 03/2008 : Phó Giám đốc Xí nghiệp phân phối khí thấp áp Vũng Tàu

Từ 04/2008 – 06/2009 : Giám đốc Xí nghiệp phân phối khí thấp áp Vũng Tàu

Từ 07/2009 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CP CNG VIETNAM

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011) : 2.061.742 cổ phần, chiếm 10,15 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu của PVGas South : 2.031.250 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 30.492 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Những người có liên quan : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

3. Ông Vũ Quý Hiệu**Ủy viên Hội đồng quản trị**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1977

Nơi sinh : Đông Dương, Đông Hưng, Thái Bình

CMND : 025161860 Ngày cấp: 19/09/2009 Nơi cấp: CA. Tp. HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 229/2^E Bùi Đình Túy, F.24, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM

Số ĐT liên lạc : 0902 158 666

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 11/1999 – 11/2000 : Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán Xí nghiệp dịch vụ vật tư thiết bị và nhiên liệu - Công ty Dịch vụ

	kỹ thuật dầu khí PTSC
Từ 12/2000-09/2001	: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Xí nghiệp dịch vụ vật tư thiết bị và nhiên liệu - Công ty Dịch vụ kỹ thuật dầu khí PTSC
Từ 10/2001- 05/2007	: Phó Phòng Tài chính - Kế toán Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu mỏ - PDC
Từ 06/2007 – 07/2007	: Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty khí hóa lỏng Miền Nam
Từ 08/2007 đến nay	: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần CNG VIETNAM; Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp; Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam.
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam; Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp (PVGas D); Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (VT - GAS).
Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011)	: 4.082.000 cổ phần, chiếm 20,10% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu của PVGas South	: 4.062.500 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	: 19.500 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Những người có liên quan	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

4. Ông Christopher Nghĩa Đỗ Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 25/10/1959
Nơi sinh : Đà Lạt, Việt Nam
Hộ chiếu : E3083162 Ngày cấp: 10/11/2008
Nơi cấp : Úc
Quốc tịch : Úc
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Đà Lạt, Việt Nam
Địa chỉ thường trú : A15-02, One Menerung Condo, Jalan Menerung, Bangsar, KL 59100, Malaysia
Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (+6012) – 200 7524
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí (Mechanical Engineer)

Quá trình công tác:

Từ năm 1985 đến 1987 : Kỹ sư hàng hải công ty TNHH Esso Australia
Từ năm 1988 đến nay : Tập đoàn IEV Group
Từ năm 2007 đến nay : Ủy viên HĐQT Công ty CP CNG VIETNAM
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : CEO tập đoàn IEV
Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011) : 3.593.329 cổ phần, chiếm 17,69% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu của IEV Group : 2.185.679 cổ phần
+ Đại diện sở hữu cho IEV Energy : 783.350 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: : 624.300 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
Những người có liên quan : Không
Những khoản nợ đối với Công ty : Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

5. Ông Nguyễn Đăng Trình Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 20/07/1982

Nơi sinh : An Tràng – Quỳnh Phụ – Thái Bình
CMND : 151423224 Ngày cấp: 26/7/2004 Nơi cấp: Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thái Bình
Địa chỉ thường trú : An Tràng – Quỳnh Phụ – Thái Bình
Số ĐT liên lạc : 0983 768 666
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

Từ 07/2006 – 6/2007 : Chuyên viên Tài chính kế toán, công ty chế biến và kinh doanh dầu mỏ - PDC
Từ 07/2007 – 9/2007 : Chuyên viên Tài chính kế toán Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam
Từ 10/2007-01/2010 : Trưởng phòng kế toán chi nhánh Sài Gòn, công ty CP Kinh Doanh Khí Hóa lỏng Miền Nam (PV Gas South)
Từ 02/2010 -3/2010 : Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Kinh Doanh Khí Hóa lỏng Miền Nam
Từ 04/2010 - nay : Kế toán trưởng Công ty CP Kinh Doanh Khí Hóa lỏng Miền Nam
: Ủy viên HĐQT Công ty CP CNG VIETNAM
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Kế toán trưởng, Công ty CP Kinh Doanh Khí Hóa Lỏng Miền Nam (PV Gas South)
Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011) : 2.031.250 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu của PVGas South : 2.031.250 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: : 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
Những người có liên quan : Không

Những khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Bùi Văn Đán	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc

1. Ông Đặng Văn Vĩnh

Tổng Giám đốc (lý lịch đã nêu ở trên)

2. Ông Trần Quang Đán

Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch – Đầu tư

Giới tính

: Nam

Ngày tháng năm sinh

: 01/09/1963

Nơi sinh

: Trường Sơn, Đức Thọ, Hà Tĩnh

CMND

: 273394873 Ngày cấp: 03/05/2007

Nơi cấp: Bà Rịa – Vũng Tàu

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Quê quán

: Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú

: 14 Đồng Đa, phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Số ĐT liên lạc ở cơ quan

: 064 357 4635

Trình độ văn hóa

: 10/10

Trình độ chuyên môn

: Kỹ sư máy xây dựng, kỹ sư quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Từ 10/1986 - 02/1989

: Kỹ sư thiết kế, phòng thiết kế công trình, Công ty

	khảo sát thiết kế đường biển, Tổng cục đường biển
Từ 03/1989 - 04/1991	: Phụ trách phòng vật tư thiết bị và kỹ thuật xe máy xí nghiệp Thi công cơ giới, Liên hiệp xây lắp dầu khí
Từ 05/1991 - 09/1992	: Nhân viên kế hoạch vật tư , Xí nghiệp sản xuất hoá phẩm dầu khí
Từ 10/1992 - 12/1994	: Kỹ sư giám sát thi công dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xưởng nghiền Bentonite, Chi nhánh phía nam DMC
Từ 01/1995 - 01/2001	: Phụ trách công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và an toàn môi trường của chi nhánh phía nam DMC
Từ 02/2001 - 04/2005	: Phó Ban An toàn môi trường, phụ trách công tác đầu tư và xây dựng cơ bản của DMC Vũng tàu.
Từ 05/2005 - 01/2006	: Phó phòng phụ trách phòng tổ chức hành chính DMC Vũng Tàu
Từ 02/2006 – 05/2007	: Trưởng phòng Tổ chức hành chính DMC Vũng Tàu
Từ 06/2007 đến nay	: Phó tổng giám đốc CNG Việt Nam
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011)	: 17.875 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	: 17.875 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Những người có liên quan	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

3. Ông Bùi Văn Đản**Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 20/02/1965
Nơi sinh	: Quang Trung – Kiến xương – Thái Bình
CMND	: 024233404 Ngày cấp: 24/11/2008 Nơi cấp: Công an TP. HCM
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thái Bình
Địa chỉ thường trú	: 185 Trần Tuấn Khải, P.5, Q.5, TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	: 064 357 4635
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Công nghệ Dầu khí, Cử nhân Anh văn

Quá trình công tác:

Từ 1989 – 1998	: Hợp đồng Hợp tác lao động tại Bulgaria, chức danh kỹ sư Công nghệ dầu khí tại Công ty Neftochem Burgas, Bulgaria
Từ 1998 – 2006	: Trưởng ca vận hành Nhà máy Xử lý khí Dinh Cố, Tổng công ty Khí Việt nam
Từ 2006 – 2008	: Chuyên viên Ban An toàn – Sức khỏe – Môi trường, Tổng công ty Khí Việt nam
Từ 10/2008 đến nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP CNG VIETNAM
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011)	17.875 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	: 17.875 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Những người có liên quan	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

4. Bà Nguyễn Thị Hồng Hải**Phó Tổng Giám đốc Tài chính**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 24/04/1973

Nơi sinh : Nghệ An

CMND : 273279046 Ngày cấp: 24/12/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Số 36/32, Phạm Ngọc Thạch, phường 9, Tp. Vũng Tàu

Số ĐT liên lạc : 064 3837 182/0918 582 366

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 05/1994 – 12/1999 : Nhân viên văn phòng trạm liên lạc Dầu khí phía Nam

Từ 01/2000 – 12/2005 : Nhân viên kế toán tổng hợp trạm liên lạc Dầu khí phía Nam

Từ 01/2006 – 04/2007 : Chuyên viên Kế toán tổng hợp VPĐD Tập đoàn dầu khí Việt Nam

Từ 05/2008 – 01/2009 : Phụ trách phòng Tài chính Kế toán Chi nhánh Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu Khí.

Từ 02/2009-8/2009 : Chuyên viên Tài chính kế toán CN Tập đoàn DKVN – BQLDA đóng mới giàn khoan

Từ 09/2009 – 3/2011 : Phó phòng Tài chính Kế toán CN Tập đoàn DKVN – Ban quản lý Dự án đóng mới giàn khoan

Từ 4/2011 – nay : Phó Tổng giám đốc Tài chính Công ty CP CNG VIETNAM

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (thời điểm) : 0 cổ phần

03/11/2011)

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Những người có liên quan : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12.3. Thành viên Ban kiểm soát

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Ngô An Hòa	Trưởng BKS
2	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS
3	Ông Đặng Quốc Vương	Thành viên BKS

1. Ông Ngô An Hòa

Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 13/08/1984

Nơi sinh : Mỹ Lạc – Thủ Thừa – Long An

CMND : 301120988 Ngày cấp: 26/08/1999

Nơi cấp: Công an Long An

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Mỹ Lạc – Thủ Thừa – Long An

Địa chỉ thường trú : Ấp Bà Nghiệm, Xã Mỹ Lạc, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An

Số ĐT liên lạc : 0983 806 404

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 2007 – Tháng 06/2008 : Chuyên viên kế toán, Công ty TNHH Á Quân

Từ 07/2008-04/2010 : Kế toán tổng hợp, Công ty CP TM & ĐT VINATABA

Từ 05/2010 đến nay : Kế toán tổng hợp, Công ty CP Kinh Doanh Khí Hóa
Lởng Miền Nam (PV Gas South)

: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty CP CNG VIETNAM

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Kế toán tổng hợp, Công ty CP Kinh Doanh Khí Hóa
Lởng Miền Nam (PV Gas South)

Số CP nắm giữ (thời điểm : 125 cổ phần
03/11/2011)

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 125 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Những người có liên quan : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2. Ông Nguyễn Văn Hưng**Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 04/11/1977

Nơi sinh : Hà Tây

CMND : 111308707 Ngày cấp: 01/8/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hà Tây

Địa chỉ thường trú : 32/10A – Đường TA18 – KP2 – Phường Thới An –
Q12 – Tp. HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan : 0988 631 298

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 10/2001 – 12/2007 : Trợ lý kỹ thuật ô tô- Xí nghiệp liên hợp Z751- Bộ quốc phòng

Từ 01/2008 – 04/2009 : Quản đốc Xưởng sửa chữa Ô tô – XNLH Z751

Từ 05/2009 đến nay : Kiểm soát viên chuyên trách - Công ty CP CNG VIETNAM

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011) : 11.375 cổ phần, chiếm 0.06% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

+ Cá nhân sở hữu : 11.375 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Những người có liên quan : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

3. Ông Đặng Quốc Vương**Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 30/03/1985

Nơi sinh : Đồng Nai

CMND : 271627215 Ngày cấp: 22/02/2008 Nơi cấp: CA Đồng Nai

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đồng Nai

Địa chỉ thường trú : Thôn 9, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Số ĐT liên lạc : 0933 288 033

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Từ 07/2007 – 09/2007	: Nhân viên tín dụng – Ngân hàng TMCP Á Châu
Từ 09/2007 – 04/2010	: Chuyên viên kế toán – Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam
Từ 04/2010 – 09/2010	: Phó phòng Phụ trách phòng Kế toán Chi nhánh Tây Ninh – Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam
Từ 09/2010 đến nay	: Phó phòng Phụ trách phòng Kế toán Chi nhánh Đồng Nai – Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam
Từ 12/2009 đến nay	: Thành viên ban Kiểm soát – Công ty CP CNG Việt Nam
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Phó phòng Phụ trách phòng Kế toán Chi nhánh Đồng Nai – Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam
Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011)	8.937 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	: 8.937 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những người có liên quan	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

12.4. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Lê Thị Thu Giang
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 24/03/1973
Nơi sinh	: Hưng Yên
CMND	: 273486009 Ngày cấp: 02/04/2009
	Nơi cấp: Bà Rịa – Vũng Tàu
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh

Quê quán : Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Số 12 Trần Khánh Dư, Phường 7, TP. Vũng Tàu
Số ĐT liên lạc ở cơ quan : 064 357 4635
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

Từ 04/1996 đến 12/2006 : Chuyên viên kế toán, Phòng Tài chính – Kế toán, Tổng Công ty Khí Việt Nam
Từ 12/2006 đến 10/2008 : Kế toán tổng hợp, Công ty Chế biến khí Vũng Tàu, Tổng Công ty Khí Việt Nam
Từ 10/2008 đến nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần CNG VIETNAM
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 03/11/2011) : 17.875 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu : 17.875 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
Những người có liên quan : Không
Những khoản nợ đối với Công ty : Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và 31/12/2010 và báo cáo tài chính 9 tháng năm 2011 như sau:

Bảng 23: *Giá trị tài sản cố định*

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	31/12/2009		31/12/2010		30/09/2011	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà xưởng, vật kiến	1.188	1.030	1.276	1.010	1.276	915

Tài sản	31/12/2009		31/12/2010		30/09/2011	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
trúc						
Máy móc, thiết bị	58.052	52.354	70.980	55.910	130.446	101.235
Phương tiện vận tải	54.161	50.005	115.328	100.559	228.060	182.040
Thiết bị văn phòng	693	442	964	434	1.183	477
Tài sản cố định vô hình	34	19	34	3	34	0
Tổng cộng	114.129	103.849	188.582	157.916	360.998	284.666

(Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 đã được kiểm toán và 09 tháng 2011 của CNG VIETNAM)

Ngày 16/08/2007, Công ty đã ký hợp đồng số 41/HĐ/TLĐ/IZICO với Công ty Đầu tư và Khai thác hạ tầng KCN Đông Xuyên & Phú Mỹ I để thuê lại 3.200m² đất tại KCN Phú Mỹ I với tiền thuê 1.4USD/m²/năm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) trong thời hạn 40 năm.

Ngày 30/10/2008, Công ty đã ký hợp đồng số 03/CNG-HĐKT với Công ty Cổ Phần Đầu Tư và thiết kế Dầu Khí thuê văn phòng làm việc tại số 35I Đường 30/4, Phường 9, TP.Vũng Tàu trong thời hạn 03 năm với tiền thuê hàng tháng 2.750,00USD (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngày 07/05/2008, Công ty đã ký hợp đồng số 105/HĐKT với Công ty TNHH 1TV HPDK DMC - Miền Nam thuê cơ sở hạ tầng trong KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu trong thời hạn 20 năm với tiền thuê hàng tháng là 71.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Theo Phụ lục số 03 của Hợp Đồng số 105/HĐKT, giá thuê được điều chỉnh từ năm 2011 là 162.364.050 đồng/tháng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngày 16/12/2010, Công ty đã ký hợp đồng số 140/2010/CNG-VINATEX TT với Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo thuê 12.011m² đất tại KCN Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 43 năm với tiền thuê là 1.244.099,01 đồng/m² tính cho toàn bộ thời gian thuê (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Tình hình văn phòng, đất đai nhà xưởng đang sử dụng của Công ty CP CNG VIETNAM tính đến ngày 30/09/2011 như sau:

Bảng 24: *Tình hình văn phòng, đất đai và bất động sản đang sử dụng của Công ty*

Stt	Tên Tài sản	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
1	Đất tại KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu	3.200	Làm nhà xưởng	Thuê sử dụng
2	Văn phòng số 35I Đường 30/4, Phường 9, TP.Vũng Tàu	1.300	Làm văn phòng	Thuê sử dụng
3	Đất và cơ sở hạ tầng tại KCN Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu	6.800	Làm nhà xưởng	Thuê sử dụng
4	Đất tại KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai	12.011	Làm nhà xưởng cho Dự án CNG Nhơn Trạch	Thuê sử dụng

*Nguồn: CNG VIETNAM***14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức dự kiến đạt được trong các năm tiếp theo****14.1. Kế hoạch kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 – 2015****14.1.1. Mục tiêu:**

Xây dựng và phát triển CNG VIETNAM bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu thị trường về thị phần.

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG VIETNAM trở thành một thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.

Tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân 19%/năm, trong đó: giai đoạn 2010 – 2011 tăng 67%/năm, giai đoạn 2012 – 2015 tăng 16%/năm.

14.1.2. Nhiệm vụ:

Tổ chức vận hành hệ thống cung cấp khí an toàn, thường xuyên và liên tục cho khách hàng;

Xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp khí CNG theo cân đối cung cầu của PVGas, PVGas S tại các khu vực Phú Mỹ, Nhơn Trạch, Đồng Nai, Bình Dương, Tp. HCM ...

Phát triển dự án vận chuyển phân phối LNG, kinh doanh Biomass;

Phát triển dịch vụ lắp đặt, sửa chữa các thiết bị cung cấp khí cho khách hàng;

Tăng cường công tác quản lý, triển khai các dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo đúng tiến độ.

14.1.3. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến:

Bảng 25: Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011 – 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
I	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Doanh thu thuần (DTT)	triệu đồng	658	917	1.328	2.007	2.433
<i>Tỷ lệ tăng trưởng DTT (%)</i>			<i>130,88%</i>	<i>39,36%</i>	<i>58,47%</i>	<i>51,13%</i>	<i>21,23%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	triệu đồng	180	182	132	145	175
<i>Tỷ lệ tăng trưởng LNST (%)</i>			<i>71,43%</i>	<i>1,11%</i>	<i>21,10%</i>	<i>9,85%</i>	<i>20,69%</i>
3	Tỷ lệ LNST/DTT	%	27,36%	19,85%	9,94%	7,22%	7,19%
4	Vốn điều lệ (VĐL)	tỷ VNĐ	213	257	317	367	417
<i>Tỷ lệ tăng trưởng VĐL (%)</i>			<i>70,4%</i>	<i>20,66%</i>	<i>23,35%</i>	<i>15,77%</i>	<i>13,62%</i>
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	84,51%	70,82%	41,64%	39,51%	41,97%
6	Tỷ lệ cổ tức	%	25%	30%	30%	30%	30%
II	Lao động						
1	Số lượng lao động	Người	165	182	214	220	247
2	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đồng	19,3	20,65	22,0	23,64	25,0

Nguồn: CNG VIETNAM

Căn cứ để đạt được các mục tiêu trên:

- Dự báo tốc độ tăng trưởng và chiến lược phát triển kinh tế của Chính phủ Việt Nam trong những năm tới, bức tranh nền kinh tế sẽ khả quan, mặc dù còn gặp nhiều khó

khẩn, đặc biệt, nhu cầu về sử dụng khí CNG sẽ tăng cao do những ưu điểm về chi phí, tiện lợi và thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất công nghiệp và tiêu dùng.

- Việc xây dựng kế hoạch của CNG VIETNAM căn cứ vào chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến 2025, theo đó xác định xây dựng PetroVietnam trở thành một Tập đoàn Công nghiệp – Thương mại – Tài chính Dầu khí quan trọng, hoàn chỉnh hoạt động trong và ngoài nước.
- Là đơn vị nằm trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) nên Công ty nhận được sự hỗ trợ về mặt chuyên môn, nguồn cung cấp khí đầu vào ổn định với giá thành hợp lý.
- Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào các dự đoán và ước tính về sản lượng tiêu thụ khí dự kiến từ khách hàng hiện tại và khách hàng tiềm năng của Công ty sau khi dự án mở rộng Nhà máy CNG Phú Mỹ hoàn thành nâng công suất lên 70 triệu m³/năm vào năm 2012, 80 triệu m³/năm vào năm 2013 và 100 triệu m³/năm vào năm 2014; dự án Nhà máy CNG Nhơn Trạch với công suất dự kiến sau khi hoàn thành vào năm 2014 với công suất đạt 50 triệu m³/năm và các thông tin giả định có được tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế khi có nhiều thay đổi.

14.2. Kế hoạch đầu tư các dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Kế hoạch đầu tư các dự án của CNG VIETNAM đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua bao gồm:

- ***Dự án mở rộng Nhà máy CNG Phú Mỹ:***
 - Thời gian bắt đầu: Quý I/2012.
 - Thời gian hoàn thành: Quý II/2014.
 - Tổng vốn đầu tư: 75 tỷ đồng.
 - Giai đoạn 1: Nâng công suất nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 Triệu m³/năm vào năm 2012: Đầu tư máy nén và trụ nạp. Dự kiến vốn đầu tư 40 tỷ đồng.
 - Giai đoạn 2: Nâng công suất nhà máy CNG Phú Mỹ lên 80 Triệu m³/năm vào năm

2013: Đầu tư bồn và trụ nạp. Dự kiến vốn đầu tư 15 tỷ đồng.

- Giai đoạn 3: Nâng công suất nhà máy CNG Phú Mỹ lên 100 Triệu m³/năm vào năm 2014: Đầu tư bồn và trụ nạp. Dự kiến vốn đầu tư 20 tỷ đồng.
- ***Dự án Nhà máy CNG Nhơn Trạch:***
 - Thời gian bắt đầu: Quý I/2012.
 - Thời gian hoàn thành: Quý IV/2014.
 - Tổng vốn đầu tư: 435 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn đầu tư dự kiến được giải ngân theo tiến độ sau: năm 2012 dự kiến khoảng 195 tỷ đồng, năm 2013 dự kiến khoảng 135 tỷ đồng, năm 2014 dự kiến khoảng 105 tỷ đồng.
 - Đầu tư xây dựng nhà máy CNG Nhơn Trạch: Giai đoạn 1 – Công suất 20 Triệu m³/năm vào năm 2012 (gói EPC, máy nén, PRU, Bồn).
 - Đầu tư xây dựng nhà máy CNG Nhơn Trạch: Giai đoạn 2 – Nâng công suất lên 50 Triệu m³/năm vào năm 2014 (gói EPC, PRU, Bồn).
 - Đầu tư xây dựng nhà máy CNG Nhơn Trạch: Giai đoạn 3 – Nâng công suất lên 120 Triệu m³/năm (gói EPC, PRU, Bồn).
- ***Dự án Nhà máy CNG/LNG Hiệp Phước – Tp.HCM***
 - Năm 2013: Hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 – công suất 15 triệu M³/năm.
 - Năm 2015: Hoàn thành đầu tư giai đoạn 2 – công suất 15 triệu M³/năm
 - Tổng vốn đầu tư: 125 tỷ đồng
- ***Đầu tư xây dựng các nhà máy CNG/LNG tại Long An (năm 2014), Cà Mau (năm 2018), Cần Thơ (năm 2015) và Thái Bình (năm 2014).***

14.3. Các giải pháp thực hiện mục tiêu chiến lược

14.3.1. Thị trường

- Xây dựng bản đồ qui hoạch khách hàng, xác định khách hàng mục tiêu trong ngắn hạn-trung hạn-dài hạn, bảo đảm sản lượng tiêu thụ bằng các thỏa thuận và hợp đồng mua bán khí.

- Phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả; Lựa chọn các khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu m³/năm trở lên và khoảng cách nhỏ hơn 150km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư; Định hướng qui hoạch Nhà máy Phú Mỹ cấp khí cho các khách hàng thuộc khu vực Bà Rịa –Vũng Tàu. Nhà máy CNG Nhơn Trạch cấp khí cho khách hàng thuộc khu vực Đồng Nai, TP.HCM, Bình Dương. Trong các giai đoạn tiếp theo, nhà máy CNG Hiệp Phước, Long An sẽ bổ sung cung cấp khí cho khách hàng khu vực TP.HCM và lân cận.
- Tăng cường hiệu quả tiếp thị, quảng bá và lợi ích của khách hàng khi sử dụng các sản phẩm CNG/LNG.
- Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các hộ tiêu thụ chuyển đổi từ nhiên liệu truyền thống sang sử dụng CNG/LNG.
- Theo dõi chặt chẽ, liên tục và làm tốt công tác dự báo thị trường.
- Có chính sách giá linh hoạt để phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.
- Đầu tư thiết bị chuyển đổi nhiên liệu sang sử dụng CNG/LNG cho các khách hàng tiềm năng.
- Phát triển thị trường theo hướng đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.
- Phát triển nhanh thị trường tiêu thụ tại các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM, Long An nhằm đảm bảo tiêu thụ hết công suất sản xuất của các nhà máy và tiêu thụ nguồn CNG/LNG của các đơn vị khác.
- Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác như: Bán CNG/LNG tại trạm mẹ, bán cho đại lý (phân phối qua tuyến ống nội bộ trong các khu công nghiệp).

14.3.2. Đầu tư

- Hoàn chỉnh quy hoạch đầu tư các trạm nén giai đoạn 2011-2015, căn cứ bản đồ qui hoạch khách hàng, thiết lập hệ thống trạm nén – khách hàng tối ưu.
- Tập trung nguồn lực để đầu tư các nhà máy sản xuất CNG/LNG, bồn chứa và phương tiện vận chuyển phù hợp với lộ trình phát triển kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phân cấp và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở tuân thủ luật pháp hiện hành của Nhà nước, phân cấp mạnh và đảm bảo chủ động trong

quá trình thực hiện.

- Chủ động cập nhật công nghệ tiên tiến, danh sách các nhà thầu, tư vấn có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực CNG/LNG nhằm đảm bảo đầu tư công nghệ ưu việt.
- Xử lý nhanh, gọn thủ tục trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ đầu tư.

14.3.3. Tài chính

- Tổ chức bộ máy tài chính kế toán tinh gọn, năng động, xây dựng quy chế quản lý tài chính thích hợp với loại hình hoạt động của công ty cổ phần.
- Xác định chính xác nhu cầu vốn trong từng thời kỳ, đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.
- Đảm bảo huy động vốn có hiệu quả phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển.
- Đa dạng hóa nguồn vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như: huy động vốn trên thị trường chứng khoán, vay vốn từ các tổ chức tín dụng lớn, từ trong ngành và các nguồn vốn khác nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: Đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất nhà máy.

Bảng 26: Nhu cầu vốn và cân đối nguồn vốn đến năm 2015

Năm	Nhu cầu vốn (Tỷ Đồng)	Trong đó	
		Vốn chủ sở hữu (40%)	Vốn vay (60%)
2012	235	94	141
2013	350	140	210
2014	125	50	75
2015	125	50	75
Tổng nhu cầu vốn	835	334	501

Nguồn: CNG VIETNAM

Hiện nay, CNG VIETNAM có vốn điều lệ là 203 tỷ đồng. Để đầu tư phát triển theo định hướng tăng tốc mạnh mẽ, các dự án cần phải được triển khai song song nên nhu cầu vốn khá lớn. Do vậy, dự kiến vốn đầu tư sẽ được huy động từ một số nguồn sau:

- ✓ Tăng vốn điều lệ, sử dụng nguồn khấu hao và lợi nhuận để lại.
- ✓ Vay trong nước:
 - Hợp tác chiến lược, liên doanh, liên kết với các tổ chức tín dụng uy tín trong và ngoài ngành.
 - Đề nghị Tập đoàn/PVGas hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi.

14.3.4. Nâng cao năng lực quản lý, phát triển nguồn nhân lực

❖ Biện pháp về tổ chức:

- Xây dựng bộ máy tổ chức theo hướng linh hoạt, phù hợp với Điều lệ Công ty và sự phát triển của CNG VIETNAM theo từng thời kỳ.
- Phân cấp mạnh mẽ cho các đơn vị theo từng lĩnh vực hoạt động trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động của các bộ phận theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động.
- Xây dựng chiến lược nhân sự trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn nhằm hoàn thiện tính chuyên nghiệp trong công tác tổ chức và đảm bảo tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Định hướng cơ cấu tổ chức của Công ty trong giai đoạn tới sẽ bao gồm:
 - Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.
 - Khối điều hành: Gồm các Ban chức năng Công ty, thực hiện chức năng tư vấn cho Tổng Giám đốc về công tác chuyên môn, bao gồm: Ban Kế hoạch – Đầu tư, Tài chính – Kế toán, Kinh doanh, Kỹ thuật – An toàn – Chất lượng, Tổ chức – Hành chính.
 - Khối sản xuất, dịch vụ: Gồm Nhà máy CNG Phú Mỹ và các Nhà máy khác theo địa bàn hoạt động. Khi Công ty đã phát triển đủ lớn, các Nhà máy sẽ chuyển thành Xí nghiệp trực thuộc và thành lập Xí nghiệp dịch vụ để thực hiện dịch vụ vận chuyển và bảo dưỡng, sửa chữa, xây dựng, lắp đặt hệ thống sử dụng khí của khách hàng.

- Văn phòng đại diện tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

❖ **Biện pháp về quản lý, phát triển nguồn nhân lực:**

- Tiến hành đánh giá thực trạng nguồn nhân lực.
- Bố trí, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo chuẩn mực của Tập đoàn Dầu khí và Tổng công ty Khí theo hướng đúng chuyên môn, kinh nghiệm, làm việc phù hợp với yêu cầu công việc nhằm phát huy hết khả năng và năng lực; Đảm bảo nguồn nhân lực để tiếp nhận, quản lý và vận hành, cung cấp CNG/LNG.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức trên cơ sở chuyên nghiệp, tinh gọn, có hiệu quả.
- Xây dựng quy trình, chính sách có tính hệ thống từ Tuyển chọn – Đào tạo – Sử dụng – Đánh giá – Đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút nhân tài làm việc lâu dài tại Công ty.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh, chế độ tiền lương và chính sách nhân viên theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với các Công ty trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong công nghiệp, tinh thần kỷ luật cao; Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển năng lực cá nhân trong toàn thể đội ngũ CBCNV.
- Áp dụng hiệu quả hệ thống tiêu chuẩn ISO:9001; OHSAS:18001 và ISO:14001.

14.4. Bảo vệ môi trường

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà Nước trong công tác bảo vệ môi trường với sự hỗ trợ đặc lực của hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO:14001.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của CNG VIETNAM cùng với việc phân tích nhu cầu sử dụng khí trong nước và trên thế giới, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí dự kiến trong giai đoạn 2011 – 2015, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của CNG VIETNAM là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. CNG VIETNAM là một trong hai công ty duy nhất hiện nay hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí CNG; đội ngũ quản trị cao cấp có năng lực và tầm nhìn; quy mô sản xuất lớn hàng đầu trong nước là những

nhân tố nổi bật để xem xét và đánh giá đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư, PSI khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý PSI bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của CNG VIETNAM

Bằng Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2011 ngày 13/09/2011, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên Công ty theo chương trình ESOP với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu phát hành không quá 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến thời điểm hiện tại là 20.312.038 cổ phiếu.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Hiện nay Công ty CNG VIETNAM không liên quan đến bất kể một vụ kiện tụng hay tranh chấp nào.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Loại chứng khoán niêm yết là Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá chứng khoán niêm yết là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/một cổ phiếu).

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Số lượng chứng khoán niêm yết là 20.312.038 cổ phiếu (Hai mươi triệu ba trăm mười hai nghìn không trăm ba mươi tám cổ phiếu).

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo quy định tại điểm d, khoản 1, điều 9, Nghị định 14/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/01/2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Hạn chế chuyển nhượng số cổ phiếu sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và tổ chức có người đại diện phần vốn tại CNG VIETNAM tham gia vào nhân sự chủ chốt của CNG VIETNAM:

Bảng 27: ***Danh sách tổ chức, cá nhân bị hạn chế chuyển nhượng***

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Số CP hạn chế 06 tháng	Số CP hạn chế 01 năm
Hội đồng quản trị (HĐQT)					
1	Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	29.250	29.250	14.625
2	Đặng Văn Vĩnh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	30.492	30.492	15.246
3	Vũ Quý Hiệu	Ủy viên HĐQT	19.500	19.500	9.750
4	Christopher Nghĩa Đỗ	Ủy viên HĐQT	624.300	624.300	312.150
5	Nguyễn Đăng Trình	Ủy viên HĐQT	-	-	-
Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)					
1	Trần Quang Đán	Phó TGD	17.875	17.875	8.938
2	Bùi Văn Đản	Phó TGD	17.875	17.875	8.938
3	Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó TGD	-	-	-
Ban Kiểm soát (BKS)					
1	Ngô An Hòa	Trưởng BKS	125	125	63
2	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	11.375	11.375	5.688
3	Đặng Quốc Vương	Thành viên BKS	8.937	8.937	4.469
Kế toán trưởng (KTT)					

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Số CP hạn chế 06 tháng	Số CP hạn chế 01 năm
1	Lê Thị Thu Giang	Kế toán trưởng	17.875	17.875	8.938
Các tổ chức có người đại diện là nhân sự chủ chốt					
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PV Gas South)		12.256.796	12.256.796	6.128.398
Người đại diện quản lý phần vốn:					
	Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	4.131.796	4.131.796	2.065.898
	Đặng Văn Vĩnh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.031.250	2.031.250	1.015.625
	Vũ Quý Hiệu	Ủy viên HĐQT	4.062.500	4.062.500	2.031.250
	Nguyễn Đăng Trình	Ủy viên HĐQT	2.031.250	2.031.250	1.015.625
2	Công ty IEV GROUP SDN.BHD		2.185.679	2.185.679	1.092.840
Người đại diện quản lý phần vốn:					
	Christopher Nghĩa Đỗ	Ủy viên HĐQT	2.185.679	2.185.679	1.092.840
3	Công ty IEV Energy SDN.BHD		783.350	783.350	391.675
Người đại diện quản lý phần vốn:					
	Christopher Nghĩa Đỗ	Ủy viên HĐQT	783.350	783.350	391.675
Tổng cộng			16.003.429	16.003.429	8.001.718

Nguồn: CNG VIETNAM

5. Phương pháp tính giá

Giá khởi điểm niêm yết của cổ phiếu CNG VIETNAM dựa trên các thông tin, tài liệu, các dự án đầu tư được cung cấp và áp dụng phương pháp định giá là P/E và P/B. Những thông tin về các thông số P/E, EPS, BV, giá cổ phiếu được tham chiếu từ Bản tin Thị

trường chứng khoán SGDCK Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 31/10/2011.

Bảng 28: *P/E và P/B của một số công ty cùng ngành*

Stt	Tên công ty	Mã CK	Số CP (tr)	Giá (đ) 31.10.11	EPS 04 Quý gần nhất (đ)	BV (đ)	P/E	P/B
			lưu hành					
1	Công ty cổ phần Phân phối khí Thấp áp	PGD	42,90	34.200	7.565	19.440	4,5	1,8
2	Công ty cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam	PGS	38,00	27.000	6.918	17.054	3,9	1,6
	Trung bình						4,2	1,7

Nguồn: PSI tổng hợp

5.1. Phương pháp tỷ số thị giá/ thu nhập (P/E – Price/ Earning ratio)

Phương pháp này tính giá cổ phần dựa trên thu nhập trên mỗi cổ phần của CNG VIETNAM và mức bình quân của hệ số giá thị trường trên thu nhập của các công ty cùng ngành và cùng quy mô đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chỉ tiêu	Giá trị	Đvt
Lợi nhuận sau thuế 04 quý gần nhất	226.044.267.067	đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	20.312.038	cổ phiếu
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	11.129	đồng/cổ phiếu
Hệ số P/E bình quân	4,2	lần
Giá trị cổ phiếu hiện tại	46.742	đồng

Nguồn: PSI tổng hợp

Công ty hoàn thành việc phát hành tăng vốn từ 125 tỷ lên 162,5 tỷ vào ngày 04/05/2011 và tăng vốn từ 162,5 tỷ lên 203,1 tỷ vào ngày 06/10/2011.

5.2. Phương pháp tỷ số thị giá/ giá trị sổ sách (P/B – Price/ Book value ratio)

Phương pháp này tính giá cổ phần dựa trên giá trị sổ sách của CNG VIETNAM và mức

bình quân của hệ số giá thị trường trên giá trị sổ sách của các công ty cùng ngành và cùng quy mô đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chỉ tiêu	Giá trị	Đvt
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2011	389.194.808.101	đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	20.312.038	cổ phiếu
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu	19.161	đồng/cổ phiếu
Hệ số P/B bình quân	1,7	lần
Giá trị cổ phiếu hiện tại	32.574	đồng/cổ phiếu

Nguồn: PSI tổng hợp

5.3. Kết luận

Tổng hợp	P/E		P/B		Giá bình quân
	Tỷ trọng	Giá	Tỷ trọng	Giá	
Cao	75%	35.057	25%	8.144	43.200
Trung bình	50%	23.371	50%	16.287	39.658
Thấp	25%	11.686	75%	24.431	36.116

Theo hai phương pháp tính giá trên, với tỷ trọng của các phương pháp là 50/50 thì mức giá của CNG được định giá là: **39.600 đồng/cổ phiếu**. Tuy nhiên, nhằm thu hút nhà đầu tư, các đối tác có liên quan và đảm bảo mức giá hợp lý của cổ phiếu CNG tại ngày giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị CNG VIETNAM quyết định dự kiến giá niêm yết của CNG là: **29.000 đồng/cổ phiếu**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Công ty có quy định tỷ lệ nắm giữ của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sẽ theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của CNG VIETNAM được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là

49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

Tại ngày 03/11/2011, số lượng cổ phần do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 3.593.330 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 17,69%.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế GTGT: Theo Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ tài chính “Hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT”, mức thuế suất mà Công ty hiện đang áp dụng là: 10%.

Thuế TNDN: Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TNDN”, mức thuế suất Công ty đang áp dụng là 25%.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 28/05/2007, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nhiên liệu trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho những năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 02 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 06 năm tiếp theo.

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Sau 2017
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	Miễn thuế		10%	10%	10%	10%	10%	10%	20%	25%

Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty tự kê khai và nộp theo quy định hiện hành khi có phát sinh.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)****➤ Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (04) 3934 3888
- Fax: (04) 3934 3999
- Website: <http://psi.vn>
- Email: dvkh@psi.vn

➤ Chi nhánh Hà Nội:

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (04) 3934 3888 Fax: (04) 3934 3999

➤ Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (08) 3914 6789 Fax: (08) 3914 6969

➤ Chi nhánh Vũng Tàu:

- Địa chỉ: Số 08 Hoàng Diệu, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: (064) 6254 522 Fax: (064) 6254 521

➤ Chi nhánh Đà Nẵng:

- Địa chỉ: Số 54-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: (0511) 3899 338 Fax: (0511) 3899 339

➤ Chi nhánh Nam Định:

- Địa chỉ: Tầng 1, Lô 13+21 Đường Đông A, KĐT mới Hòa Vượng, Tp. Nam Định

- Điện thoại: (0350) 367 7989 Fax: (0350) 367 7979

➤ ***Chi nhánh Thanh Hóa:***

- Địa chỉ: Tầng 1, Số 38A Đại lộ Lê Lợi, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh. Thanh Hóa
- Điện thoại: (037) 391 5668/688/689 Fax: (037) 391 5699

➤ ***Chi nhánh Nghệ An:***

- Địa chỉ: Tầng 1, Số 19 Quang Trung, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: (038) 868 8866 Fax: (038) 868 8868

➤ ***Chi nhánh Hải Phòng:***

- Địa chỉ: Tầng 2, Số 5 Hồ Xuân Hương, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
- Điện thoại: (031) 351 5188 Fax: (031) 351 5199

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ: Tầng 11, P.1101, Trung tâm Thương mại Sài Gòn,
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3910 0751 Fax: (08) 3910 0750
- Website: www.deloitte.com/vn

VII. PHỤ LỤC

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2011 ngày 21/01/2011 thông qua việc niêm yết cổ phiếu CNG Việt Nam trên sàn Giao dịch chứng khoán.
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2011 ngày 13/09/2011 thông qua việc niêm yết và lưu ký bổ sung số cổ phiếu của CNG Việt Nam mới tăng thêm trên sàn Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (Hose).
3. Quyết định số 259/QĐ-CNG ngày 14/10/2011 của HĐQT phê duyệt bộ hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam.
4. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đầu tư.
5. Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết.
6. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009.
7. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010.
8. Báo cáo tài chính 09 tháng năm 2011.
9. Báo cáo kiểm toán Vốn điều lệ tại ngày 06/10/2011.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Tuấn Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Vĩnh

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Giang

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH



Trần Xuân Nam

BẢN CÁO BẠCH